



LaserJet Enterprise M506

Hướng dẫn Sử dụng



M506n



M506dn



M506x



www.hp.com/support/ljM506



HP LaserJet Enterprise M506

Hướng dẫn sử dụng

Bản quyền và giấy phép

© Copyright 2017 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 2, 8/2017

Công nhận nhãn hiệu

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác. iPod là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc. iPod chỉ dành cho các bản sao được chủ bản quyền hoặc pháp luật cho phép. Không được ăn cắp nhạc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

Mục lục

1 Tổng quan máy in	1
Giao diện máy in	2
Mặt trước của máy in	2
Mặt sau của máy in	3
Các cổng giao diện	4
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển 4 dòng, chỉ có ở kiểu n và dn)	4
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu x)	5
Thông số kỹ thuật của máy in	7
Thông số kỹ thuật	7
Các hệ điều hành được hỗ trợ	9
Giải pháp in di động	11
Kích thước máy in	12
Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn	15
Phạm vi môi trường sử dụng	15
Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm	16
2 Khay giấy	17
Nạp giấy vào Khay 1 (khay đa năng)	18
Giới thiệu	18
Hướng giấy khay 1	19
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác	19
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in	19
Nạp giấy vào Khay 2, 3, 4 và 5	20
Giới thiệu	20
Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ	22
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác	22
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in	22
Nạp và in phong bì	24
Giới thiệu	24

In phong bì	24
Hướng Phong bì	24
3 Mực in, phụ kiện và bộ phận	25
Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận	26
Đặt hàng	26
Mực in và phụ kiện	26
Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng	27
Thay thế hộp mực in	29
Giới thiệu	29
Thông tin về hộp mực in	29
Tháo và thay thế hộp mực	30
4 In	33
Thao tác in (Windows)	34
Cách in (Windows)	34
In tự động trên hai mặt (Windows)	36
In thủ công trên cả hai mặt (Windows)	36
In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)	37
Chọn loại giấy (Windows)	37
Tác vụ in bổ sung	38
Thao tác in (OS X)	39
Cách in (OS X)	39
Tự động in trên cả hai mặt (OS X)	39
In thủ công trên cả hai mặt (OS X)	39
In nhiều trang trên một tờ (OS X)	40
Chọn loại giấy (OS X)	40
Tác vụ in bổ sung	40
Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng	42
Giới thiệu	42
Tạo lệnh in đã lưu (Windows)	42
Tạo lệnh in đã lưu (OS X)	44
In lệnh in đã lưu	44
Xóa lệnh in đã lưu	45
In di động	46
Giới thiệu	46
HP ePrint qua email	46
Phần mềm HP ePrint	47
AirPrint	48

In nhúng của Android	48
In NFC và Wireless Direct	48
In từ cổng USB	50
Giới thiệu	50
Bật cổng USB để in	50
In tài liệu USB	51
5 Quản lý máy in	53
Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)	54
Giới thiệu	54
Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	54
Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP	55
Tab Information (Thông Tin)	56
Tab General (Chung)	56
Tab Print (In)	57
Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)	58
Tab Security (Bảo mật)	58
Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP)	59
Tab Networking (Hoạt động mạng)	59
Danh sách Other Links (Liên kết Khác)	60
Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X	62
Mở Tiện ích HP	62
Các tính năng của Tiện ích HP	62
Định cấu hình cài đặt mạng IP	64
Từ chối chia sẻ máy in	64
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng	64
Đổi tên sản phẩm trên mạng	64
Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	65
Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	66
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết	66
Các tính năng bảo mật của máy in	68
Giới thiệu	68
Tuyên bố bảo mật	68
Gán mật khẩu của quản trị viên	68
Bảo mật IP	69
Khóa bộ định dạng	70
Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP	70
Các cài đặt bảo tồn năng lượng	71
Giới thiệu	71

In bằng EconoMode	71
Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn	71
HP Web Jetadmin	74
Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở	75

6 Giải quyết sự cố 77

Hỗ trợ khách hàng	78
Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển	79
Xác lập lại cài đặt gốc	80
Giới thiệu	80
Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in	80
Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)	80
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in	82
Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)	82
Đối với các sản phẩm có tính năng fax	82
Đặt hàng mực in	83
Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai	84
Giới thiệu	84
Máy in không nạp giấy	84
Máy in nạp nhiều giấy	86
Xử lý kẹt giấy	90
Giới thiệu	90
Các vị trí kẹt giấy	90
Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt	91
Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?	91
Gỡ giấy kẹt trong Khay 1	91
Gỡ giấy kẹt trong Khay 2 và các khay 550 tờ	93
Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in	96
Xử lý kẹt giấy trong cửa phía sau và khu vực cuộn sấy	98
Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra	99
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt	100
Cải thiện chất lượng in	105
Giới thiệu	105
In từ một chương trình phần mềm khác	105
Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in	105
Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)	105
Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)	105
Kiểm tra tình trạng hộp mực in	106

Làm sạch máy in	106
In một trang lau dọn	106
Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường	107
Kiểm tra môi trường in và giấy	107
Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP	107
Bước hai: Kiểm tra môi trường	107
Bước 3: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ	108
Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)	108
Thử trình điều khiển in khác	109
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây	111
Giới thiệu	111
Kết nối vật lý kém	111
Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này	111
Máy tính không thể giao tiếp với máy in	111
Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này	112
Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích	112
Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai	112
Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai	112

Bảng chú dẫn	113
---------------------------	------------

1 Tổng quan máy in

- [Giao diện máy in](#)
- [Thông số kỹ thuật của máy in](#)
- [Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM506.

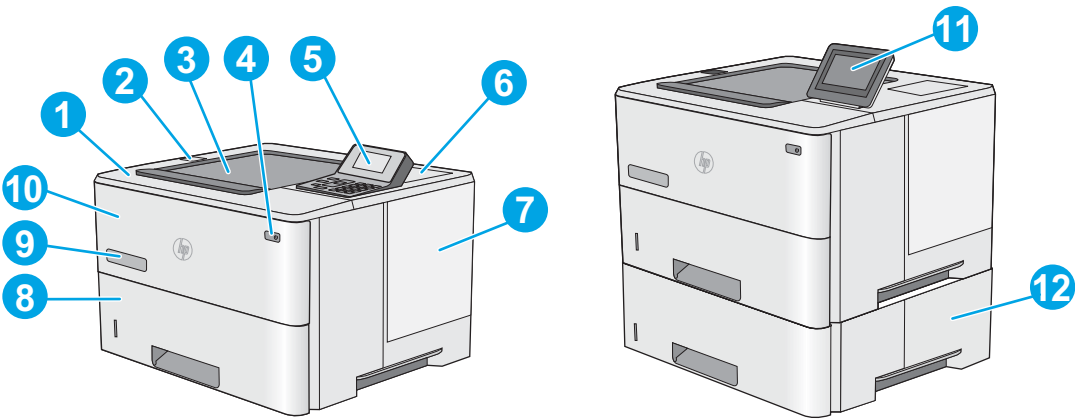
Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Giao diện máy in

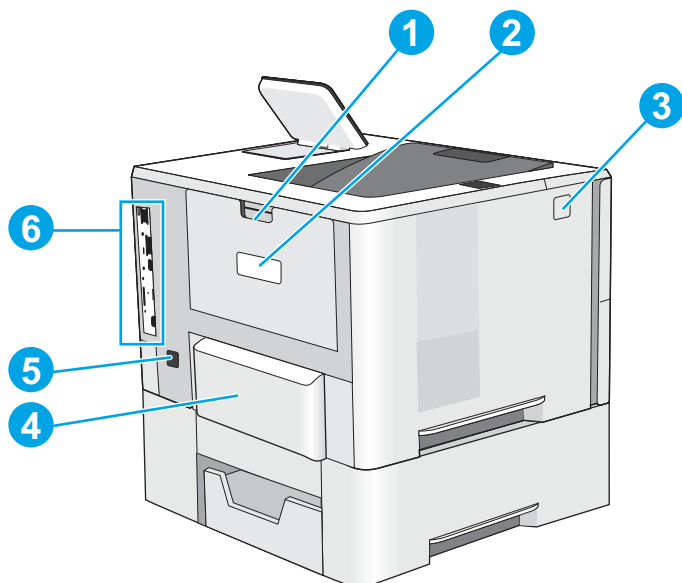
- [Mặt trước của máy in](#)
- [Mặt sau của máy in](#)
- [Các cổng giao diện](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(bảng điều khiển 4 dòng, chỉ có ở kiểu n và dn\)](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu x\)](#)

Mặt trước của máy in



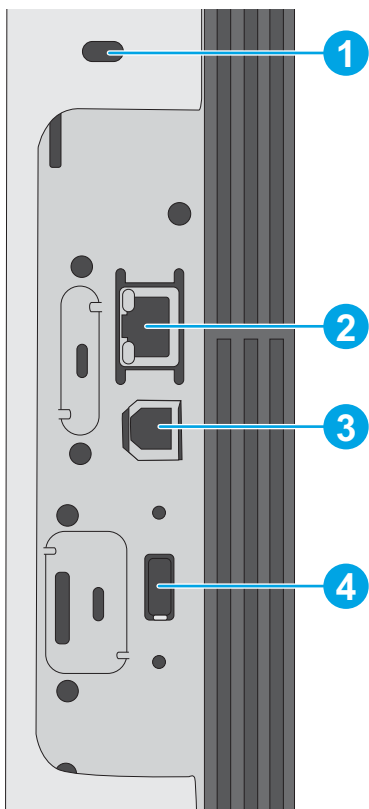
1	Nắp trên (cửa vào hộp mực in)
2	Cổng Easy-access USB Cắm ổ flash USB để in mà không cần máy tính hoặc để nâng cấp chương trình cơ sở của máy in. GHI CHÚ: Người quản trị phải bật cổng này trước khi sử dụng.
3	Ngăn giấy ra chuẩn
4	Nút bật/tắt
5	Bảng điều khiển LCD 4 dòng có bàn phím (chỉ có ở kiểu n và dn)
6	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị bên thứ ba (chỉ kiểu dn và x) GHI CHÚ: Để sử dụng ổ tích hợp phần cứng (HIP), hãy cài đặt phụ kiện cổng USB bên trong của HP (B5L28A). Nếu không, cổng USB bên trong HIP sẽ không hoạt động.
7	Nắp bộ định dạng
8	Khay 2
9	Tên kiểu
10	Khay 1
11	Bảng điều khiển có màn hình cảm ứng màu (chỉ có ở kiểu x)
12	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ, Khay 3 (đi kèm với kiểu x, tùy chọn đối với các kiểu khác) GHI CHÚ: Mỗi kiểu máy in chấp nhận tối đa ba khay nạp 1 x 550 tờ tùy chọn (Khay 3, 4 và 5). Khay 3 được kèm theo kiểu x.

Mặt sau của máy in



1	Cửa sau (cửa xử lý kẹt giấy)
2	Nhãn số sê-ri và số sản phẩm
3	Nút tháo nắp trên cùng
4	Nắp che bụi cho Khay 2 (lật lên khi nạp vào khổ giấy Legal)
5	Kết nối nguồn
6	Bộ định dạng (chứa các cổng giao tiếp)

Các cổng giao diện



- | | |
|---|---|
| 1 | Khe khóa an toàn dạng cáp |
| 2 | Cổng mạng Ethernet (RJ-45) mạng cục bộ (LAN) |
| 3 | Cổng in USB 2.0 tốc độ cao |
| 4 | Cổng USB để kết nối các thiết bị USB bên ngoài (cổng này có thể đóng) |

GHI CHÚ: Để in easy-access USB, dùng cổng USB gần bảng điều khiển.

Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển 4 dòng, chỉ có ở kiểu n và dn)

Dùng bảng điều khiển để lấy thông tin về máy in và trạng thái lệnh và để lập cấu hình máy in.






1	Màn hình bảng điều khiển	Hiển thị thông tin trạng thái, các menu, thông tin trợ giúp và thông báo lỗi
2	Bàn phím số	Nhập giá trị số
3	Nút Clear (Xóa)	Trả giá trị về mặc định và đóng màn hình trợ giúp
4	Nút Folder (Thư mục)	Cung cấp truy cập nhanh đến menu Retrieve Job (Truy lục lệnh in)
5	Nút Home (Màn hình chính)	Mở các menu và trở về Màn hình chính
6	Nút Back (Quay lại)	Trở lên một mức trong dạng cây của menu hoặc trở lên một mục nhập số
7	Mũi tên xuống	Điều hướng đến một mục kế tiếp trong danh sách, hoặc giảm giá trị của các mục số
8	Nút Stop (Dừng)	Hủy bỏ lệnh in hiện tại và xóa các trang khỏi máy in
9	Nút OK	<ul style="list-style-type: none"> Lưu giá trị đã chọn cho một mục Thực hiện hành động được liên kết với mục, mục đó được tô sáng trên màn hình bảng điều khiển Xóa một điều kiện lỗi khi điều kiện đó có thể xóa bỏ
10	Nút Help (Trợ giúp)	Cung cấp thông tin về thông báo trên màn hình bảng điều khiển
11	Mũi tên lên	Điều hướng đến mục trước đó trong danh sách, hoặc tăng giá trị của các mục số

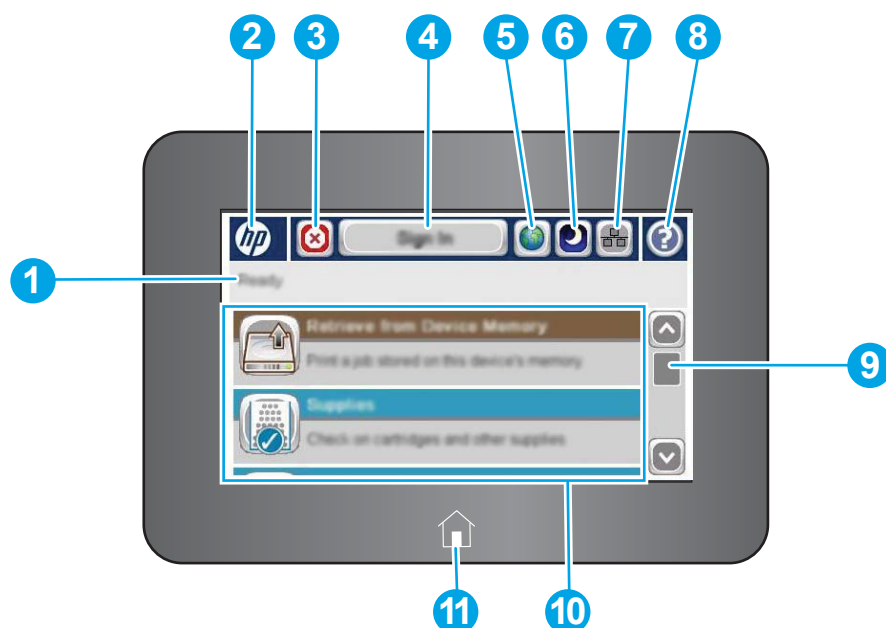
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu x)

 **GHI CHÚ:** Nghiêng bảng điều khiển để dễ xem hơn.


Màn hình chính cung cấp truy cập vào các tính năng máy in và cho biết trạng thái hiện thời của máy in.

Trở lại Màn hình chính bất kỳ lúc nào bằng cách chạm vào nút Home  (Màn hình chính). Chạm vào nút Home  (Màn hình chính) ở cạnh phía dưới của bảng điều khiển máy in, hoặc chạm vào nút Home (Màn hình chính) ở góc trên bên trái của hầu hết màn hình.


 **GHI CHÚ:** Các tính năng xuất hiện trên Màn hình chính có thể khác nhau, tùy thuộc vào cấu hình máy in.



1	Trạng thái máy in	Dòng trạng thái cung cấp thông tin về trạng thái tổng thể của máy in.
2	Logo HP hoặc nút Home (Màn hình chính)	Trên màn hình bất kỳ ngoài Màn hình chính, logo HP thay đổi thành nút Home  (Màn hình chính). Chạm vào nút Home  (Màn hình chính) để trở về Màn hình chính.
3	Nút Stop (Dừng)	Chạm vào nút Stop (Dừng) để tạm dừng lệnh hiện tại. Màn hình Job Status (Tình trạng lệnh in) mở ra và cung cấp các tùy chọn để hủy bỏ hoặc tiếp tục lệnh.
4	Nút Sign In (Đăng nhập) hoặc Sign Out (Đăng xuất)	Chạm vào nút Sign In (Đăng nhập) để truy cập các tính năng được bảo mật. Chạm vào nút Sign Out (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.
5	Nút Language Selection (Lựa chọn Ngôn ngữ)	Chạm vào nút Lựa chọn Ngôn ngữ để chọn ngôn ngữ dành cho màn hình bảng điều khiển.
6	Nút Sleep (Dừng)	Chạm vào nút Sleep (Nghỉ) để chuyển sản phẩm về chế độ Sleep (Nghỉ).
7	Nút Network (Mạng)	Chạm vào nút Mạng để tìm kiếm thông tin về kết nối mạng.
8	Nút Help (Trợ giúp)	Chạm vào nút Trợ giúp để mở hệ thống trợ giúp nhúng.
9	Thanh cuộn	Dùng thanh cuộn để xem toàn bộ danh sách về các tính năng sẵn dùng.

10	Tính năng	Tùy vào cấu hình máy in, các tính năng xuất hiện trong khu vực này có thể gồm một trong những mục sau: <ul style="list-style-type: none"> Retrieve from USB (Truy xuất từ USB) Retrieve from Device Memory (Truy xuất từ bộ nhớ thiết bị) Supplies (Mực in) Trays (Khay) Administration (Quản trị) Device Maintenance (Bảo trì Thiết bị)
11	Nút Home (Màn hình chính)	Chạm vào nút Home  (Màn hình chính) để trở lại Màn hình chính của máy in bất kỳ lúc nào.

Thông số kỹ thuật của máy in

 **QUAN TRỌNG:** Các thông số kỹ thuật sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản, nhưng có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM506.

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Giải pháp in di động](#)
- [Kích thước máy in](#)
- [Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn](#)
- [Phạm vi môi trường sử dụng](#)

Thông số kỹ thuật

Tên kiểu		M506n	M506dn	M506x
Số sản phẩm		F2A68A	F2A69A	F2A70A
Quản lý giấy in	Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	✓	✓	✓
	Khay 2 (dung lượng 550 tờ)	✓	✓	✓
	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ	Tùy chọn	Tùy chọn	✓
	GHI CHÚ: Mỗi kiểu máy in chấp nhận tối đa ba khay nạp 1 x 550 tờ tùy chọn (Khay 3, 4 và 5). Khay 3 được kèm theo kiểu x.			
	Tủ/chân để máy in	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	In hai mặt tự động	Không được hỗ trợ	✓	✓
Kết nối	Kết nối LAN Ethernet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	✓	✓	✓
	USB 2.0 Tốc độ Cao	✓	✓	✓

Tên kiểu		M506n	M506dn	M506x
Số sản phẩm		F2A68A	F2A69A	F2A70A
	Cổng easy-access USB để in không cần máy tính và nâng cấp chương trình cơ sở	✓	✓	✓
	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba	Không được hỗ trợ	✓	✓
	Cổng USB bên trong của HP	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Wireless để in từ các thiết bị di động GHI CHÚ: Để sử dụng trong Ổ tích hợp phần cứng. Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Không dây cần phụ kiện các cổng USB bên trong của HP. J8031A cũng có thể được kết nối qua cổng USB chủ phía sau. Trong trường hợp đó, HIP không được sử dụng.	Tùy chọn	Tùy chọn	Không được hỗ trợ
	Chức năng giao tiếp cận trường (NFC) và Wi-Fi Direct tích hợp của HP để in từ các thiết bị di động	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	✓
	Phụ kiện HP Jetdirect 2900nw Print Server để kết nối không dây	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
Bộ nhớ	Bộ nhớ cơ bản 512 MB GHI CHÚ: Bộ nhớ cơ bản có thể mở rộng đến 1,5 GB bằng cách thêm mô-đun bộ nhớ DIMM.	✓	✓	✓
Bộ nhớ dung lượng lớn	Bộ điều khiển đa phương tiện nhúng 4 GB (eMMC)	✓	✓	✓
	Ổ cứng 500 GB FIPS	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
Security (Bảo mật)	Mô-đun nền tảng HP Trusted để mã hóa mọi dữ liệu đi qua máy in	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
Màn hình và đầu vào của bảng điều khiển	Màn hình đồ họa 4 dòng có bàn phím gồm 10 phím	✓	✓	Không được hỗ trợ
	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	✓
In	In 45 trang mỗi phút (ppm) trên giấy Letter và 43 ppm trên giấy A4	✓	✓	✓

Tên kiểu	M506n	M506dn	M506x
Số sản phẩm	F2A68A	F2A69A	F2A70A
In Easy-access USB (không yêu cầu máy tính)	✓	✓	✓
Lưu các lệnh in vào bộ nhớ máy in để in sau hoặc in riêng	✓	✓	✓

Các hệ điều hành được hỗ trợ

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in máy in chuyên biệt Windows PCL 6 và OS X và cho CD cài đặt phần mềm đi kèm.

Windows: CD Bộ cài đặt phần mềm HP cài đặt trình điều khiển in “HP PCL.6” phiên bản 3, trình điều khiển in “HP PCL 6” phiên bản 3, hoặc trình điều khiển in “HP PCL-6” phiên bản 4, tùy thuộc vào hệ điều hành Windows, cùng với phần mềm tùy chọn khi sử dụng bộ cài đặt phần mềm đầy đủ. Tải xuống trình điều khiển in “HP PCL.6” phiên bản 3, trình điều khiển in “HP PCL 6” phiên bản 3 và trình điều khiển in “HP PCL-6” phiên bản 4 từ trang Web hỗ trợ máy in dành cho máy in này: www.hp.com/support/ljM506.

Máy tính Mac, OS X và thiết bị iOS: Máy tính Mac và thiết bị di động Apple iOS được hỗ trợ cho máy in này. Trình điều khiển in OS X và tiện ích in có sẵn để bạn tải xuống từ hp.com và cũng có sẵn qua Apple Software Update. Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trên CD có trong hộp sản phẩm. Làm theo các bước sau để tải xuống phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X:

1. Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506.
2. Chọn **Support Options** (Tùy chọn Hỗ trợ), dưới **Download Options** (Tùy chọn Tải xuống) chọn **Drivers, Software & Firmware** (Trình điều khiển, Phần mềm & Chương trình cơ sở), sau đó chọn gói máy in.
3. Bấm chọn phiên bản hệ điều hành rồi bấm vào nút **Download** (Tải xuống).

Bảng 1-1 Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ


Hệ điều hành	Trình điều khiển in được cài đặt (từ CD bộ cài đặt phần mềm dành cho Windows, hoặc bộ cài đặt trên Web cho OS X)	Lưu ý
Windows® XP SP3, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt “HP PCL.6” được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows XP vào tháng 4/2009. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể dành cho hệ điều hành XP đã ngừng này.
Windows Vista®, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt “HP PCL.6” được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.


Bảng 1-1 Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ (còn tiếp)

Hệ điều hành	Trình điều khiển in được cài đặt (từ CD bộ cài đặt phần mềm dành cho Windows, hoặc bộ cài đặt trên Web cho OS X)	Lưu ý
Windows Server 2003 SP2, 32-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL.6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Server 2003 vào tháng 7/2010. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể cho hệ điều hành Server 2003 đã ngừng này.
Windows 7 SP1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	
Windows 8, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Hỗ trợ Windows 8 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Hỗ trợ Windows 8.1 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 10, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.
Windows Server 2008 SP2, 32 bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL.6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.
Windows Server 2008 SP2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.
Windows Server 2012, 64-bit	Bộ cài đặt phần mềm không hỗ trợ Windows Server 2012 nhưng trình điều khiển in dành riêng cho máy in "HP PCL 6" phiên bản 3 và "HP PCL-6" phiên bản 4 có hỗ trợ.	Tải xuống trình điều khiển từ trang web HP và dùng công cụ Windows Add Printer để cài đặt trình điều khiển.

Bảng 1-1 Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ (còn tiếp)

Hệ điều hành	Trình điều khiển in được cài đặt (từ CD bộ cài đặt phần mềm dành cho Windows, hoặc bộ cài đặt trên Web cho OS X)	Lưu ý
Windows Server 2012 R2, 64-bit	Bộ cài đặt phần mềm không hỗ trợ Windows Server 2012 nhưng trình điều khiển in dành riêng cho máy in "HP PCL 6" phiên bản 3 và "HP PCL-6" phiên bản 4 có hỗ trợ.	Tải xuống trình điều khiển từ trang web HP và dùng công cụ Windows Add Printer để cài đặt trình điều khiển.
OS X 10.8 Mountain Lion, OS X 10.9 Mavericks, OS X 10.10 Yosemite	Trình điều khiển in OS X và tiện ích in có sẵn để bạn tải xuống từ hp.com và cũng có sẵn qua Apple Software Update. Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trên CD có trong hộp sản phẩm.	<p>Đối với OS X, tải xuống bộ cài đặt hoàn chỉnh từ trang web hỗ trợ dành cho máy in này.</p> <ol style="list-style-type: none"> Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506. Chọn Support Options (Tùy chọn Hỗ trợ), dưới Download Options (Tùy chọn Tải xuống) chọn Drivers, Software & Firmware (Trình điều khiển, Phần mềm & Chương trình cơ sở), sau đó chọn gói máy in. Bấm chọn phiên bản hệ điều hành rồi bấm vào nút Download (Tải xuống).

 **GHI CHÚ:** Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506 để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD cho máy in này, hãy truy cập www.hp.com/go/upd. Dưới phần **Additional information** (Thông tin bổ sung), hãy nhấp vào liên kết.

Bảng 1-2 Các yêu cầu hệ thống tối thiểu

Windows	Máy tính Mac và OS X
<ul style="list-style-type: none"> Ổ CD-ROM, ổ DVD, hoặc kết nối Internet Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng 400 MB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng 	<ul style="list-style-type: none"> Kết nối Internet 1 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng

Giải pháp in di động

Máy in hỗ trợ phần mềm sau đây để in di động:

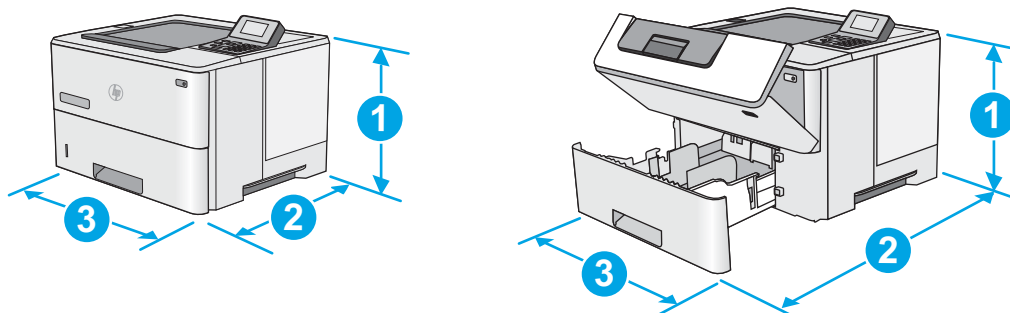
- Phần mềm HP ePrint

GHI CHÚ: Phần mềm HP ePrint hỗ trợ các hệ điều hành sau đây: Windows 7 SP 1 (32-bit và 64-bit); Windows 8 (32-bit và 64-bit); Windows 8.1 (32-bit và 64-bit); Windows 10 (32-bit và 64-bit); và OS X phiên bản 10.8 Mountain Lion, 10.9 Mavericks và 10.10 Yosemite.

- HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và máy in phải được đăng ký HP Connected)
- Ứng dụng HP ePrint (Có sẵn cho Android, iOS và Blackberry)
- Ứng dụng ePrint Enterprise (Được hỗ trợ trên tất cả máy in có Phần mềm Máy chủ ePrint Enterprise)
- Ứng dụng HP Home và Biz (Có sẵn cho thiết bị Symbian/Nokia)
- Google Cloud Print 1.0 (Máy in phải được đăng ký HP Connected, sau đó được đăng ký với Google Cloud)
- AirPrint
- In Android

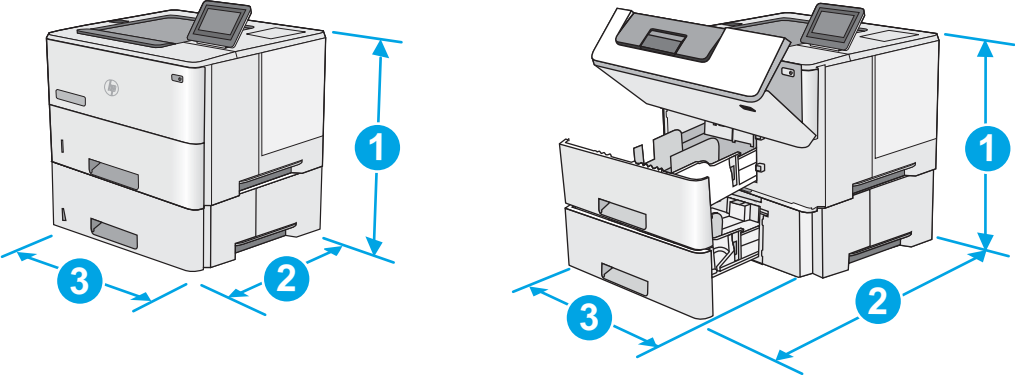
Kích thước máy in

Hình 1-1 Kích thước dành cho các kiểu n và dn



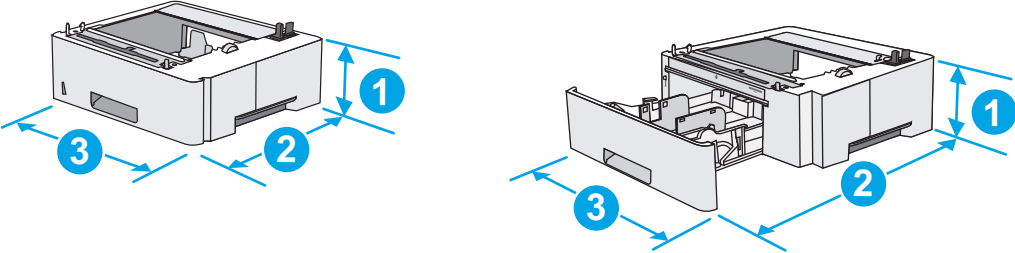
	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
1. Chiều cao	296 mm	296 mm
2. Chiều sâu	Nắp che bụi khay 2 đóng: 376 mm Nắp che bụi khay 2 mở: 444 mm	569 mm
3. Chiều rộng	410 mm	410 mm
Trọng lượng	12 kg	

Hình 1-2 Kích thước dành cho kiểu x



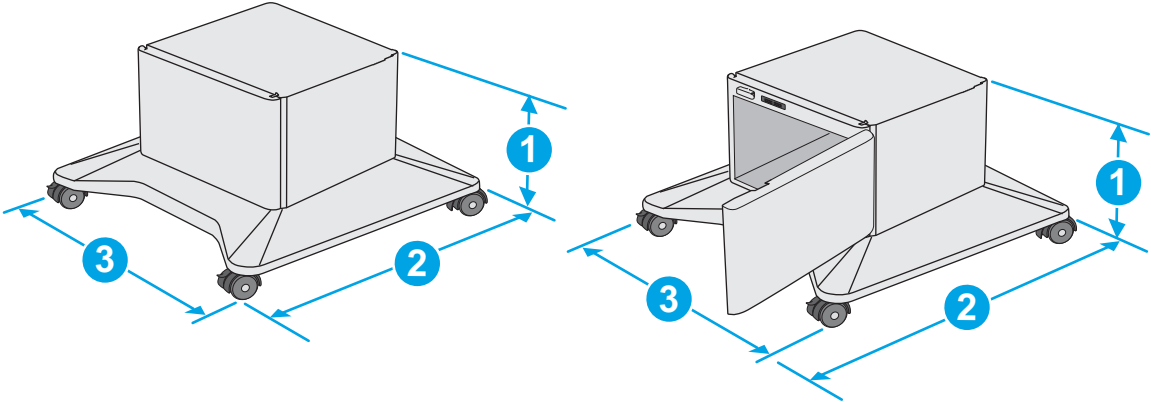
	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
1. Chiều cao	415 mm	487 mm
2. Chiều sâu	Nắp che bụi khay 2 đóng: 376 mm Nắp che bụi khay 2 mở: 444 mm	569 mm
3. Chiều rộng	410 mm	410 mm
Trọng lượng	13.4 kg	

Hình 1-3 Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ



1. Chiều cao	130 mm
2. Chiều sâu	Khay đóng: 376 mm Khay mở: 569 mm
3. Chiều rộng	410 mm
Trọng lượng	1,4 kg

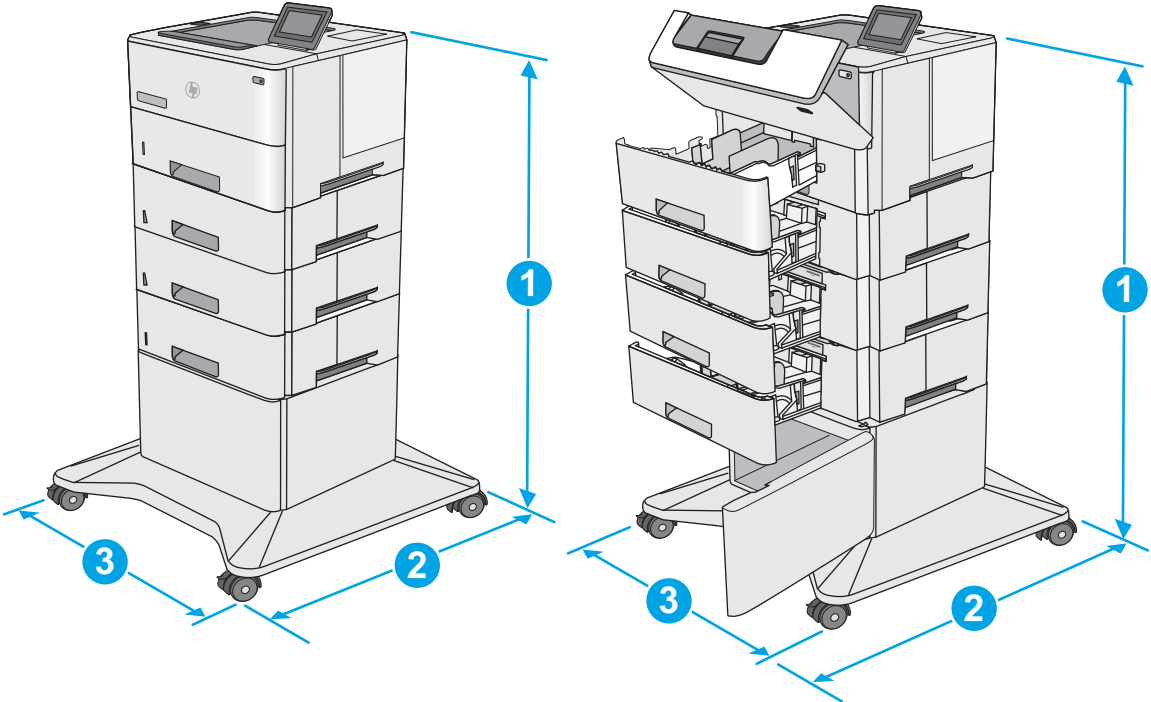
Hình 1-4 Kích thước dành cho tủ/đế



1. Chiều cao	381 mm
2. Chiều sâu	Cửa đóng: 632 mm Cửa mở và bánh xe phía sau xoay: 865 mm
3. Chiều rộng	Cửa đóng: 600 mm Cửa mở và bánh xe phía sau xoay: 630 mm
Trọng lượng	9,0 kg

¹ Các giá trị này có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506.

Hình 1-5 Kích thước cho máy in có ba khay nạp giấy 1 x 550 tờ giấy và tủ/chân đế



Máy in và phụ kiện đóng hoàn toàn		Máy in và phụ kiện mở hoàn toàn	
1. Chiều cao	1067 mm		1067 mm

	Máy in và phụ kiện đóng hoàn toàn	Máy in và phụ kiện mở hoàn toàn
2. Chiều sâu	632 mm	865 mm
3. Chiều rộng	600 mm	630 mm
Trọng lượng	25.2 kg	

¹ Các giá trị này có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506.

Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn

Xem www.hp.com/support/ljM506 để biết thông tin mới nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các yêu cầu về điện năng dựa trên quốc gia/khu vực mà máy in được bán. Không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ gây hư hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của máy in.

Phạm vi môi trường sử dụng

Bảng 1-3 Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	17° đến 25°C	15° đến 30°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH
Độ cao	Không áp dụng	0 đến 3000 m

Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Hướng dẫn Cài đặt Phần cứng đi kèm với máy in. Đối với các hướng dẫn bổ sung, hãy tới mục trợ giúp HP trên web.

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506 để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in. Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

2 Khay giấy

- [Nạp giấy vào Khay 1 \(khay đa năng\)](#)
- [Nạp giấy vào Khay 2, 3, 4 và 5](#)
- [Nạp và in phong bì](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM506.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Nạp giấy vào khay 1 (khay đa năng)

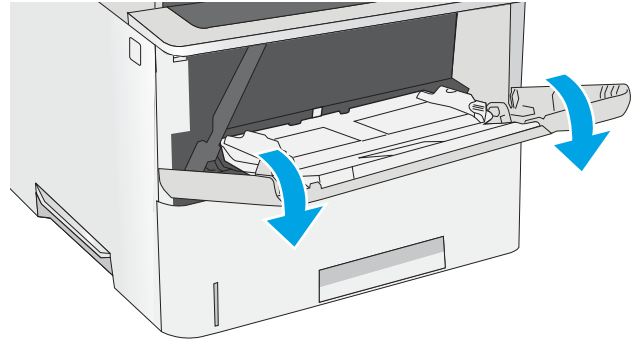
Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 1. Khay này chứa được tối đa 100 tờ giấy 75 g/m².

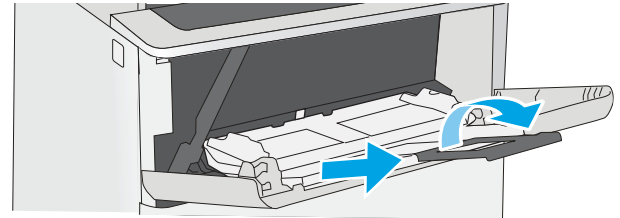
 **GHI CHÚ:** Chọn đúng loại giấy trong trình điều khiển in trước khi in.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh kẹt giấy, không được thêm hoặc lấy bớt giấy từ khay 1 trong khi in.

1. Nắm lấy tay cầm ở mặt bên kia của khay 1 và kéo về phía trước để mở khay.



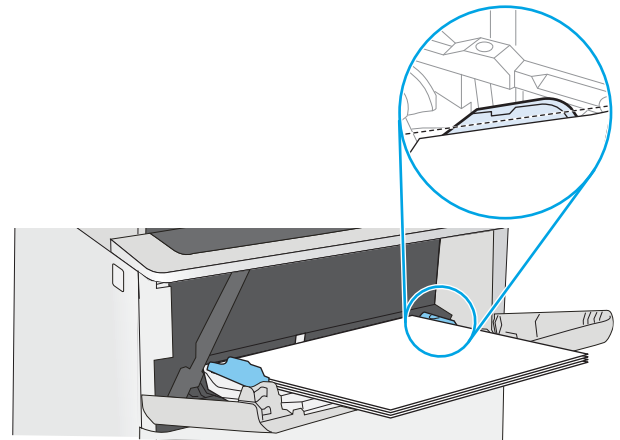
2. Kéo phần mở rộng của khay ra để đỡ giấy.



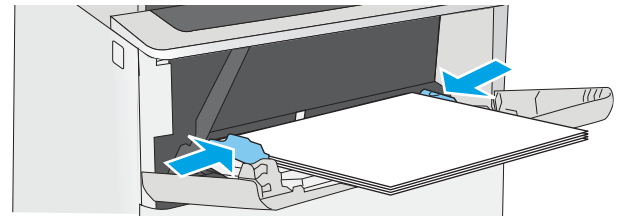
3. Kéo dài các thanh dẫn giấy đến kích thước chính xác rồi nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng giấy khay 1 thuộc trang 19](#).

Đảm bảo chắc chắn giấy nằm dưới đường vạch dấu trên thanh dẫn giấy.

GHI CHÚ: Chiều cao tập giấy tối đa là 10 mm, hoặc tương đương 100 tờ giấy 75 g.




4. Điều chỉnh các thanh dẫn bên sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong tập giấy.



Hướng giấy khay 1

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, hãy nạp giấy theo thông tin trong bảng sau đây.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) ảnh hưởng đến cách nạp giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn. Cài đặt này được tắt theo mặc định. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động. Để biết thêm thông tin, xem [Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác thuộc trang 19](#).


Loại giấy	In một mặt	In hai mặt và Chế độ in sẵn đầu đề khác
Giấy Tiêu đề thư, in sẵn, hoặc đập lỗ trước	Mặt hướng lên Đưa mép trên cùng vào máy in	Mặt hướng xuống Đưa mép dưới cùng vào máy in
		

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của máy in.


Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in


1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration](#) (Quản trị)
 - [Manage Trays](#) (Quản lý khay)
 - [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn [Enabled](#) (Đã bật) và chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

Nạp giấy vào khay 2, 3, 4 và 5

Giới thiệu

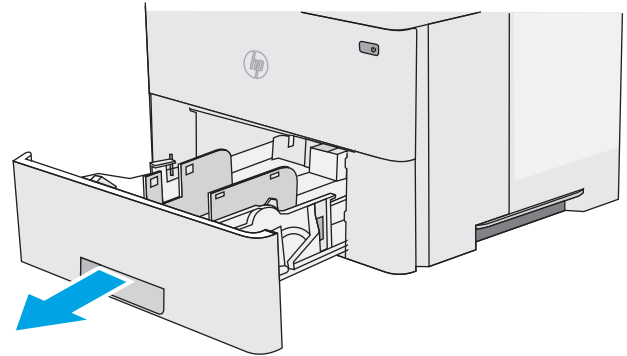
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ tùy chọn (số bộ phận F2A72A). Các khay này chứa được tối đa 550 tờ 75 g/m².

 **GHI CHÚ:** Quy trình nạp giấy vào các khay 550 tờ cũng giống như nạp giấy vào khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

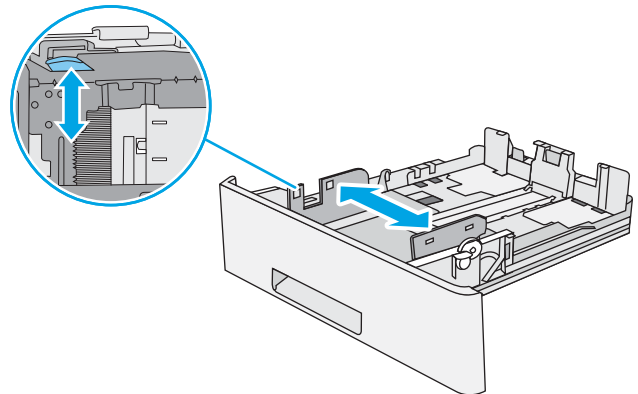
 **THẬN TRỌNG:** Không kéo dài nhiều khay giấy cùng một lúc.

1. Mở khay ra.

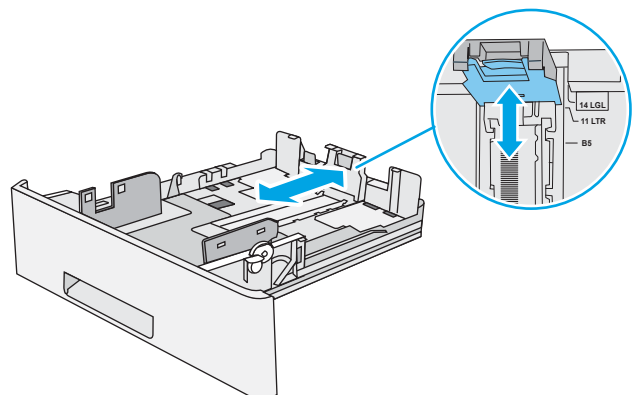
GHI CHÚ: Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



2. Trước khi nạp giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách siết chặt các chốt điều chỉnh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.

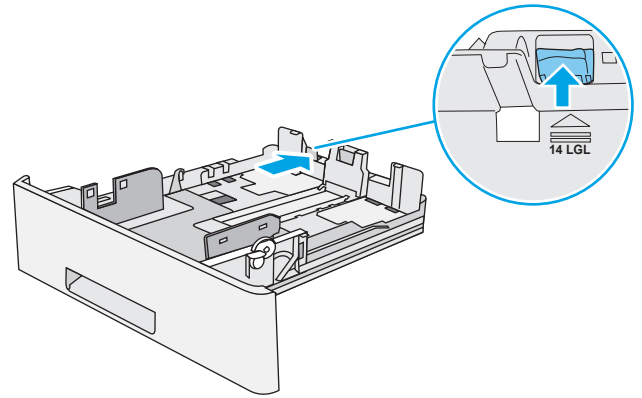


3. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều ngang bằng cách siết chặt các chốt và trượt thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.



4. Để nạp giấy khổ Legal vào khay, hãy ép chặt chốt trên mặt sau của khay vào giữa hướng bên trái, sau đó kéo dài khay lui về đúng khổ giấy.

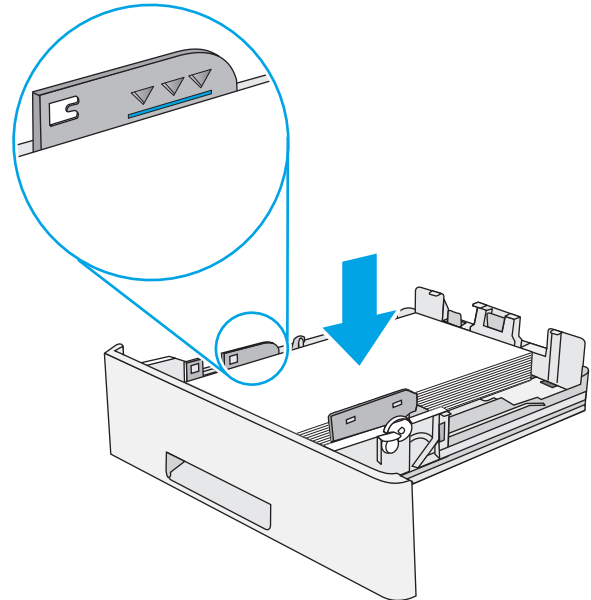
GHI CHÚ: Bước này không áp dụng cho các kích thước giấy khác.



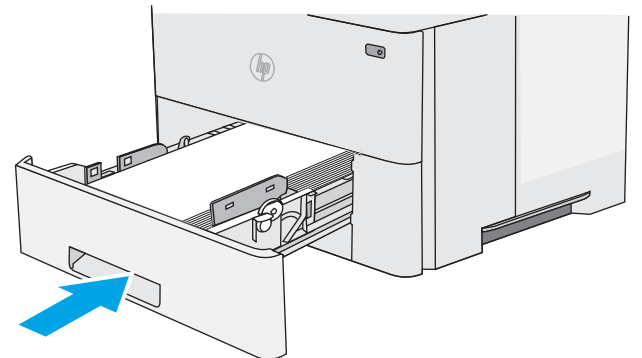
5. Nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ thuộc trang 22](#).

GHI CHÚ: Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy về đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy, như được phóng to trong hình minh họa.

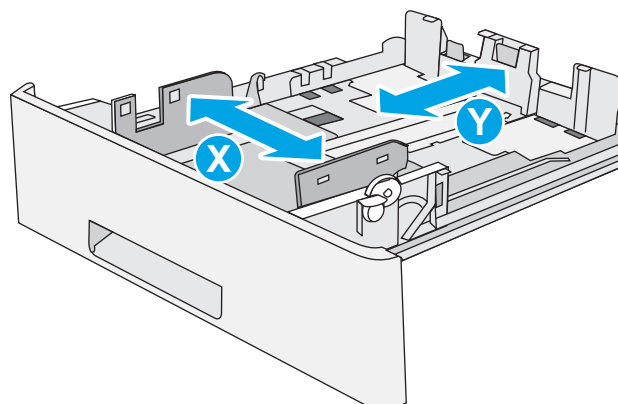


6. Đóng khay giấy.



7. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
8. Nếu khổ giấy và loại giấy không hiển thị đúng, chọn **Modify** (Thay đổi) để chọn khổ giấy hoặc loại giấy khác.

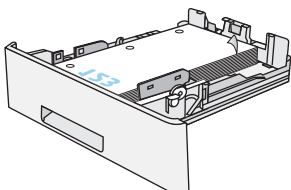
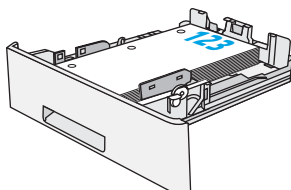
Đối với giấy có kích thước tùy chỉnh, xác định các kích thước X và Y cho giấy khi có nhắc nhở xuất hiện trên bảng điều khiển của máy in.



Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, hãy nạp giấy theo thông tin trong bảng sau đây.

GHI CHÚ: Cài đặt **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) ảnh hưởng đến cách nạp giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn. Cài đặt này được tắt theo mặc định. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động. Để biết thêm thông tin, xem [Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác thuộc trang 22](#).


Loại giấy	In một mặt	In hai mặt và Chế độ in sẵn đầu đề khác
Giấy Tiêu đề thư, in sẵn, hoặc dập lỗ trước	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía trước của khay	Mặt hướng lên Cạnh dưới ở phía trước của khay
		

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của máy in.

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:

- [Administration](#) (Quản trị)
 - [Manage Trays](#) (Quản lý khay)
 - [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn [Enabled](#) (Đã bật) và chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

Nạp và in phong bì


Giới thiệu


Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp phong bì. Chỉ dùng khay 1 để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa là 10 phong bì.

Để in phong bì bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp phong bì vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in.

In phong bì

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

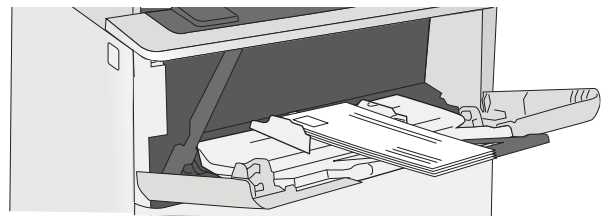
 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các phong bì.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Envelope** (Phong bì).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Hướng Phong bì

Nạp phong bì vào khay 1 với mặt hướng lên, với cạnh ngắn có tem hướng vào máy in.



3 Mục in, phụ kiện và bộ phận

- [Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM506.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

Đặt hàng

Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	www.hp.com/buy/parts
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Mực in và phụ kiện

Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Supplies (Mực in)			
Hộp mực HP 87A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	87A	CF287A
Hộp mực HP 87X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	87X	CF287X
Phụ kiện			
Khay nạp giấy 1 x 550 tờ	Khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn GHI CHÚ: Máy in hỗ trợ tối đa ba khay nạp giấy 1 x 550 tờ.	Không áp dụng	F2A72A
Đế và tủ máy in	Đế tùy chọn có tủ lưu trữ để hỗ trợ máy in Được khuyến khích khi bạn dùng nhiều khay nạp giấy tùy chọn.	Không áp dụng	F2A73A
Ổ cứng FIPS 500GB	Ổ cứng tùy chọn	Không áp dụng	B5L29A
Bộ nhớ DIMM DDR3 1 GB	DIMM tùy chọn để mở rộng bộ nhớ	Không áp dụng	G6W84A
Cổng USB bên trong của HP	Hai cổng USB tùy chọn để kết nối thiết bị của bên thứ ba	Không áp dụng	B5L28A
Cổng USB bên trong của HP M506, M527	Phụ kiện Cổng USB bên trong của HP	Không áp dụng	F2A87A
Mô-đun Nền tảng Tin cậy HP Trusted	Tự động mã hóa tất cả dữ liệu đi qua máy in	Không áp dụng	F5S62A

Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Phụ kiện máy chủ in không dây USB	Không áp dụng	J8031A
Phụ kiện NFC/Wireless HP Jetdirect 3000w	Phụ kiện Wi-Fi direct để “chạm” khi in từ các thiết bị di động	Không áp dụng	J8030A

GHI CHÚ: Để sử dụng trong Ổ tích hợp phần cứng. Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Không dây cần phụ kiện các cổng USB bên trong của HP (B2L28A). J8031A cũng có thể được kết nối qua cổng USB chủ phía sau. trong trường hợp đó, HPI không được sử dụng.

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng (CSR) được trang bị ở nhiều máy in HP LaserJet để giảm thời gian bảo dưỡng. Bạn có thể tìm thêm thông tin về chương trình CSR và các lợi ích của chương trình tại www.hp.com/go/csr-support và www.hp.com/go/csr-faq.

Có thể đặt mua các phụ kiện thay thế chính hiệu HP tại www.hp.com/buy/parts hoặc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền. Khi đặt hàng, cần lưu ý một số thông tin sau: số bộ phận, số sê-ri (nhìn ở phía sau của máy in), số sản phẩm, hoặc tên máy in.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Bắt buộc** sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành máy in HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Tùy chọn** có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành máy in.

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ bảng điều khiển (chỉ có ở kiểu x)	Thay thế bảng điều khiển màn hình cảm ứng	Bắt buộc	B5L24-67903
Ổ đĩa bộ nhớ trạng thái rắn	Ổ đĩa bộ nhớ trạng thái rắn thay thế	Bắt buộc	5851-6415
Bộ ổ cứng	Ổ cứng thay thế	Bắt buộc	5851-6417
Bộ FIPS HDD 500GB (chỉ dành cho Chính phủ Hoa Kỳ)	Ổ cứng thay thế	Bắt buộc	B5L29-67903
Bộ máy chủ in không dây USB	Thay thế Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Bắt buộc	5851-6421
Bộ phụ kiện NFC	Thay thế phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Wireless	Bắt buộc	5851-6429
Bộ nhớ DIMM DDR3 1GB	Thay thế bộ nhớ DIMM	Bắt buộc	5851-6422
Bộ Cổng USB bên trong của HP	Thay thế cổng USB bên trong	Bắt buộc	B5L28-67902
Bộ ổ cứng bảo mật	Thay thế ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP	Bắt buộc	B5L29-67903
Bộ dịch vụ Trục lăn truyền	Trục lăn truyền thay thế	Bắt buộc	F2A76-67905
Bộ trục lăn đón và phân tách Khay 1	Trục lăn thay thế cho Khay 1	Bắt buộc	F2A76-67906

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ trục lăn Khay 2-x	Trục lăn thay thế cho Khay 2, 3, 4 và 5	Bắt buộc	F2A76-67907
Khay nạp giấy 1x550 tờ	Khay nạp giấy thay thế	Bắt buộc	F2A72-67901
Đế và tủ máy in	Đế và tủ máy in thay thế	Bắt buộc	F2A73-67901

Thay thế hộp mực in

Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các chi tiết về hộp mực in cho máy in và các hướng dẫn thay thế hộp mực in.

- [Thông tin về hộp mực in](#)
- [Tháo và thay thế hộp mực](#)


Thông tin về hộp mực in

Máy in này sẽ cho biết khi nào mực mức in trong hộp mực còn ít và gần hết. Thời gian sử dụng thực tế của hộp mực in có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.


Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Để mua hộp mực hoặc kiểm tra hộp mực có phù hợp với máy in không, hãy truy cập mục HP SureSupply tại www.hp.com/go/suresupply. Cuộn xuống cuối trang và xác nhận xem quốc gia/khu vực có đúng không.

Mực	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 87A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	87A	CF287A
Hộp mực HP 87X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	87X	CF287X

 **GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều bột mực hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì cho đến khi cần thay thế.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình màu xanh lá cây nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi máy in trong một thời gian dài.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực in.



- | | |
|---|-------------|
| 1 | Chip bộ nhớ |
| 2 | Trống hình |

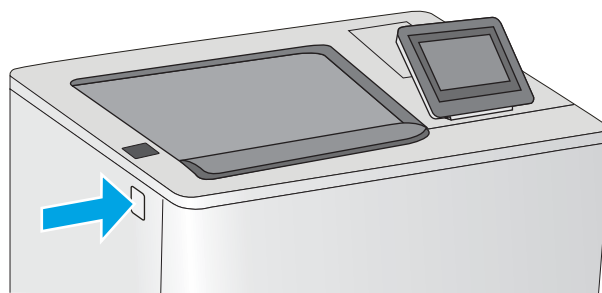
THẬN TRỌNG: Không chạm tay vào trống hình. Dầu vân tay có thể làm giảm chất lượng in.

⚠ THẬN TRỌNG: Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

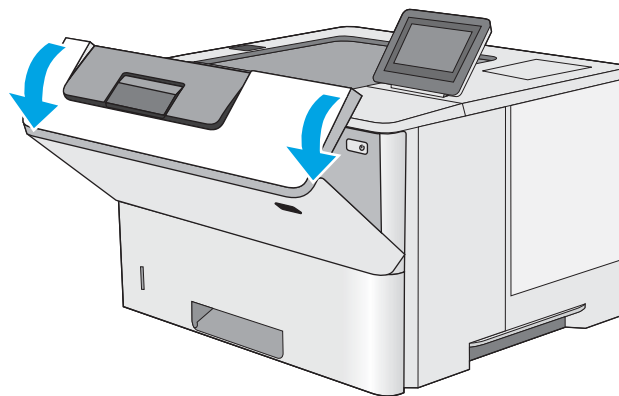
📖 GHI CHÚ: Thông tin về việc tái chế hộp mực đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực.

Tháo và thay thế hộp mực

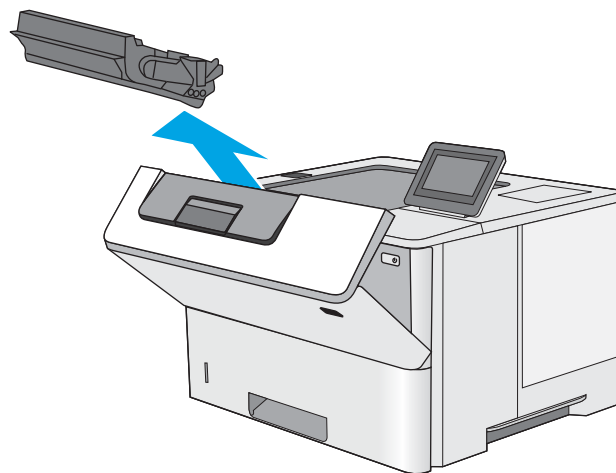
1. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



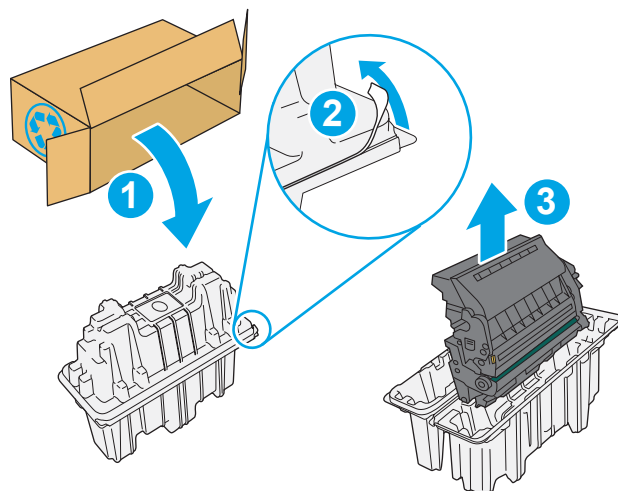
2. Mở cửa trước.



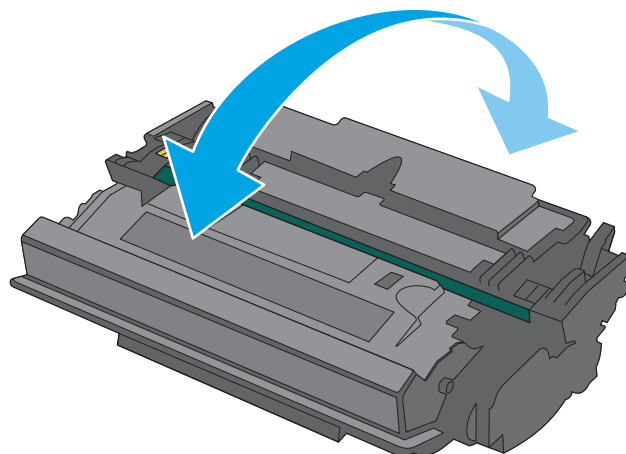
3. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.



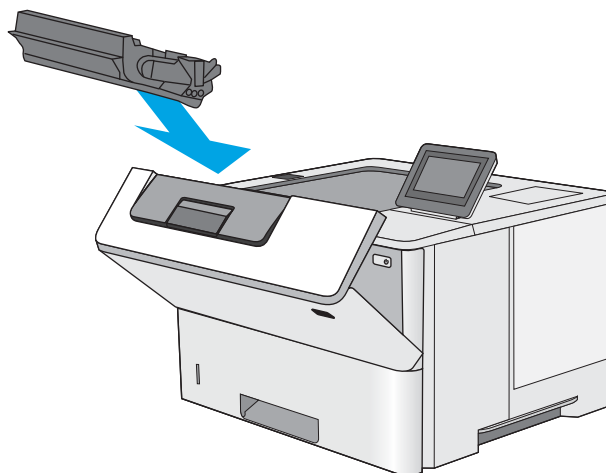
4. Lấy hộp mực in mới ra khỏi tấm bảo vệ bằng cách kéo bật băng nhựa ra và mở gói. Giữ lại toàn bộ bao bì để tái chế hộp mực in đã qua sử dụng.



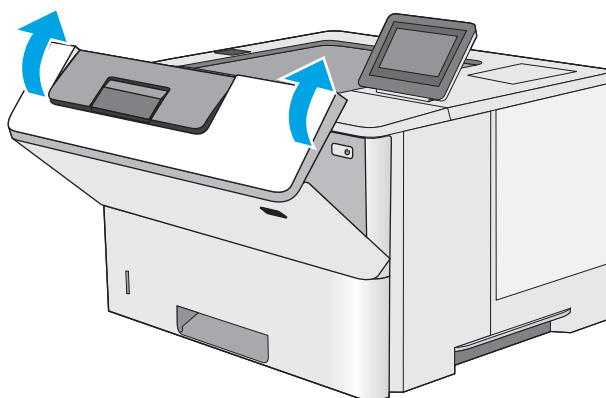
5. Giữ hai đầu của hộp mực và lắc nhẹ 5-6 lần.



6. Căn hộp mực in thẳng với các khe cắm của nó, sau đó lắp hộp mực vào máy in.



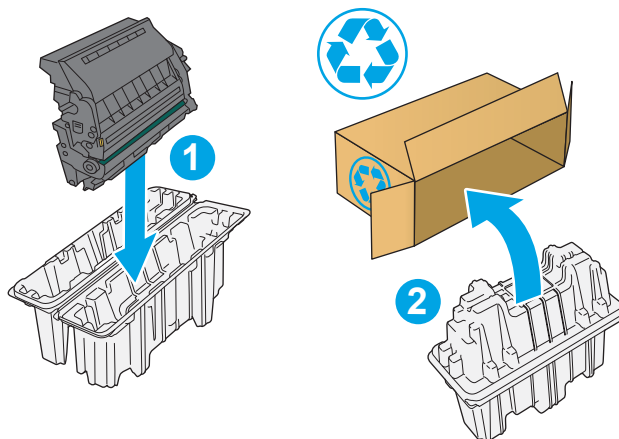
7. Đóng cửa trước.



8. Cho hộp mực in đã qua sử dụng vào trong hộp mà bạn đã lấy ra hộp mực mới. Xem hướng dẫn tái chế đi kèm để biết thông tin về việc tái chế.

Tại Mỹ và Canada, nhãn vận chuyển trả trước có ghi trên vỏ hộp. Ở các quốc gia/khu vực khác, truy cập www.hp.com/recycle để in nhãn vận chuyển trả trước.

Dán nhãn vận chuyển trả trước vào vỏ hộp và gửi lại hộp mực đã qua sử dụng cho HP để tái chế.



4 In

- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Thao tác in \(OS X\)](#)
- [Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng](#)
- [In di động](#)
- [In từ cổng USB](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM506.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


4. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print (In)**. Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để in lệnh in.

In tự động trên hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in có lắp đặt khay in hai mặt tự động. Nếu máy in không có lắp đặt khay in hai mặt tự động, hoặc in trên các loại giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ, bạn có thể in cả hai mặt theo cách thủ công.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print on both sides** (In hai mặt). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print On Both Sides (Manually)** (In Hai mặt (Thủ công)). Bấm nút **OK** để in mặt đầu tiên của lệnh in.
5. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
6. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn số lượng trang in trên một trang giấy từ danh sách **Các trang trên một trang giấy** thả xuống.
5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
6. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Chọn loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách **Paper type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng, sau đó nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Nếu khay cần được cấu hình, một thông báo cấu hình khay sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.

9. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.
10. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
11. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:


- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Thao tác in (OS X)

Cách in (OS X)


Quy trình sau mô tả quá trình in cơ bản dành cho OS X.


1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


4. Nhấp vào nút **In**.

Tự động in trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những máy in có phụ kiện in hai mặt tự động.


 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Nhấp vào nút **In**.

In thủ công trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Manual Duplex** (In hai mặt thủ công).

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex** (Hai mặt Thủ công) và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Nhấp vào nút **In**.
6. Đến máy in và lấy hết giấy trắng trong Khay 1 ra.

7. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một tờ (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).



GHI CHÚ: Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Từ danh sách **Pages per Sheet** (Nhiều trang trên một Tờ) thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders** (Đường viền), chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **In**.

Chọn loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



GHI CHÚ: Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn từ các tùy chọn **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



GHI CHÚ: Danh sách này bao gồm toàn bộ các tùy chọn khả dụng. Một số tùy chọn không khả dụng trên tất cả các máy in.

- **Media Type** (Loại phương tiện): Chọn tùy chọn cho loại giấy cho lệnh in.
 - **Print Quality** (Chất lượng in): Chọn mức độ phân giải cho lệnh in.
 - **Edge-To-Edge Printing** (In cạnh đối cạnh): Chọn tùy chọn này để in gần các cạnh giấy.
 - **EconoMode** (Chế độ tiết kiệm): Chọn tùy chọn này để bảo tồn bột mực khi in bản nháp của tài liệu.
5. Nhấp vào nút **In**.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng


Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu trữ trên máy in. Các lệnh này có thể được in sau đó hoặc in riêng.


- [Tạo lệnh in đã lưu \(Windows\)](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(OS X\)](#)
- [In lệnh in đã lưu](#)
- [Xóa lệnh in đã lưu](#)


Tạo lệnh in đã lưu (Windows)

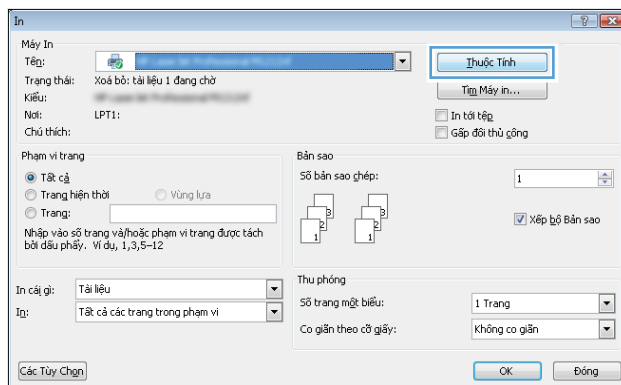
Lưu trữ lệnh in trên máy in để in riêng hoặc tạm hoãn.

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước thì không thay đổi.

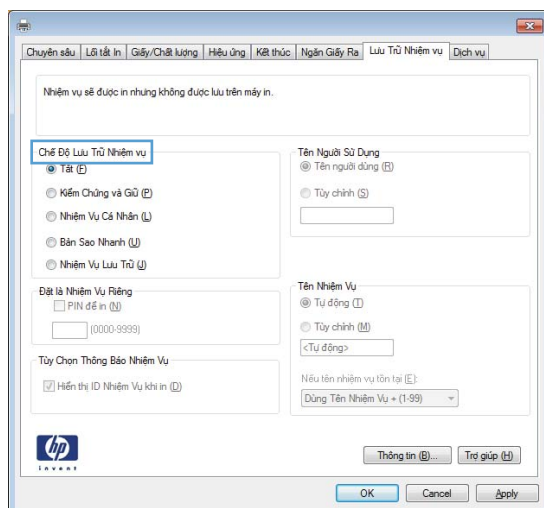
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties (Thuộc tính)** hoặc **Preferences (Tùy chọn)** (tên thay đổi tùy theo các chương trình phần mềm khác nhau).

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in.



3. Nhấp vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).



4. Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode** (Chế độ Lưu trữ Lệnh in).

- **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
- **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu mã hóa lệnh in, bạn phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
- **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để bạn có thể in lại sau.
- **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mã PIN được yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu bạn mã hóa lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển.

5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
- **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.

6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

7. Để biết thông tin về cách in lệnh in, hãy xem chủ đề dành cho "In lệnh in đã lưu."

Tạo lệnh in đã lưu (OS X)

Lưu trữ lệnh in trên máy in để in riêng hoặc tạm hoãn.



1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách menu thả xuống, sau đó nhấp vào menu **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).
4. Trong danh sách thả xuống **Mode** (Chế độ), hãy chọn loại lệnh in đã lưu.
 - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
 - **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi có ai đó yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), hãy cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
 - **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để có thể in lại sau.
 - **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), người in lệnh phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển.
5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng khi đã có một lệnh in đã lưu khác có tên đó.

 - **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
 - **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
6. Nếu đã chọn tùy chọn **Stored Job** (Lệnh in đã lưu) hoặc tùy chọn **Personal Job** (Lệnh in cá nhân) trong bước 3, bạn có thể bảo vệ lệnh in này bằng mã PIN. Nhập số gồm 4 chữ số vào trường **Use PIN to Print** (Sử dụng mã PIN để in). Khi người khác tìm cách in lệnh in này, máy in sẽ nhắc người đó nhập mã PIN này.
7. Bấm vào nút **Print** (In) để in.

In lệnh in đã lưu


Sử dụng quy trình sau để in lệnh in đã lưu trong bộ nhớ máy in.

1. Chạm hoặc nhấn nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Retrieve from Device Memory** (Truy xuất từ bộ nhớ thiết bị).
3. Chọn tên thư mục có lệnh in được lưu.
4. Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
5. Điều chỉnh số lượng bản sao, sau đó chạm vào nút Start  (Bắt đầu) hoặc nhấn nút **OK** để in.

Xóa lệnh in đã lưu

Khi bạn gửi lệnh in đã lưu đến bộ nhớ máy in, máy in sẽ ghi đè bất kỳ lệnh in nào trước đó có cùng tên lệnh in và người dùng. Nếu lệnh in không được lưu với cùng tên lệnh in và người dùng, và máy in cần có thêm bộ nhớ, máy in có thể sẽ xóa các lệnh in đã lưu khác. Việc xóa bắt đầu từ lệnh in cũ nhất. Bạn có thể thay đổi số lượng lệnh in mà máy in có thể lưu từ menu [General Settings](#) (Cài đặt chung) trên bảng điều khiển máy in.

Sử dụng quy trình này để xóa lệnh in được lưu trong bộ nhớ máy in.

1. Chạm hoặc nhấn nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn [Retrieve from Device Memory](#) (Truy xuất từ bộ nhớ thiết bị).
3. Chọn tên thư mục có lệnh in được lưu.
4. Chọn tên lệnh in, sau đó chọn nút [Delete](#) (Xóa).
5. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu, sau đó chọn nút [Delete](#) (Xóa).

In di động


Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động và ePrint để cho phép in dễ dàng tới một máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

- [HP ePrint qua email](#)
- [Phần mềm HP ePrint](#)
- [AirPrint](#)
- [In nhúng của Android](#)
- [In NFC và Wireless Direct](#)

HP ePrint qua email


Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.

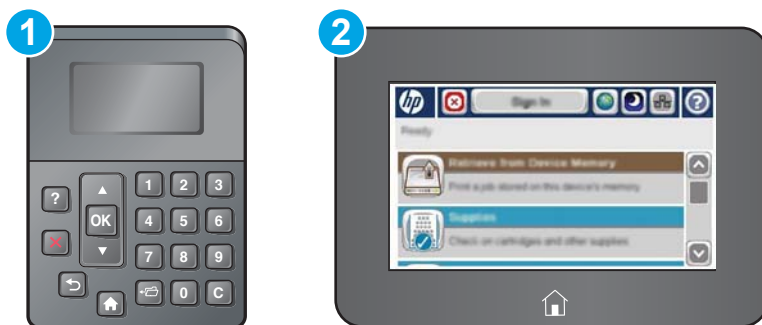
 **GHI CHÚ:** Máy in có thể yêu cầu cập nhật chương trình cơ sở để sử dụng tính năng này.

Để dùng HP ePrint, máy in phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Máy in phải bật HP Web Services (Dịch vụ Web của HP) và máy in phải được đăng ký với HP Connected hoặc Trung tâm HP ePrint.

Làm theo quy trình này để bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP) và đăng ký với HP Connected hoặc Trung tâm HP ePrint.

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



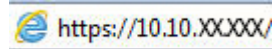
- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển 4 dòng |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Network (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



GHI CHÚ: Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

2. Nhấp vào tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP).

3. Chọn tùy chọn để bật Dịch vụ web.

GHI CHÚ: Việc bật các Dịch vụ Web có thể mất vài phút.

4. Hãy truy cập www.hpconnected.com hoặc www.hp.com/go/eprintcenter để tạo tài khoản HP ePrint và hoàn thành quy trình cài đặt.

Phần mềm HP ePrint

Phần mềm HP ePrint giúp bạn in dễ dàng từ máy tính để bàn Windows hoặc Mac hoặc máy xách tay tới bất kỳ máy in nào hỗ trợ HP ePrint. Phần mềm này giúp bạn dễ dàng tìm kiếm các máy in hỗ trợ HP ePrint được đăng ký với tài khoản HP Connected. Bạn có thể xác định máy in HP mục tiêu trong văn phòng hoặc các vị trí ở khắp nơi trên trái đất này.

- **Windows:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy mở tùy chọn **Print** (In) từ trong ứng dụng của bạn, rồi chọn **HP ePrint** từ danh sách máy in đã cài đặt. Nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) để cấu hình tùy chọn in.
- **OS X:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy chọn **File** (Tập), **Print** (In), sau đó chọn mũi tên bên cạnh **PDF** (phía dưới cùng bên trái của màn hình trình điều khiển). Chọn **HP ePrint**.

Đối với Windows, phần mềm HP ePrint hỗ trợ in TCP/IP tới các máy in mạng cục bộ có trên mạng (LAN hoặc WAN) và hỗ trợ UPD PostScript®.

Cả Windows và OS X hỗ trợ in IPP tới máy in nối mạng LAN hoặc WAN có hỗ trợ ePCL.

Cả Windows và Mac cũng hỗ trợ in các tài liệu PDF tới các vị trí in công cộng và in bằng HP ePrint qua email thông qua nền tảng điện toán đám mây.

Hãy truy cập www.hp.com/go/eprintsoftware để có các trình điều khiển và thông tin.

GHI CHÚ: Phần mềm HP ePrint là tiện ích dòng công việc PDF cho Mac và về mặt kỹ thuật không phải là trình điều khiển in.

GHI CHÚ: Phần mềm HP ePrint không hỗ trợ in USB.

AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS 4.2 trở lên và từ các máy tính Mac chạy OS X 10.7 Lion và mới hơn. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên), hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng di động sau:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba

Để dùng AirPrint, máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Apple. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các máy in HP nào tương thích với AirPrint, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.



GHY CHÚ: Trước khi sử dụng AirPrint với kết nối USB, hãy kiểm tra số phiên bản. Phiên bản AirPrint 1.3 và cũ hơn không hỗ trợ kết nối USB.

In nhúng của Android

Giải pháp in tích hợp của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng hoặc trong phạm vi phủ sóng không dây dành cho in Wi-Fi Direct.

Máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Android.

Giải pháp in được tích hợp vào các hệ điều hành được hỗ trợ, vì vậy bạn không cần phải cài đặt trình điều khiển hoặc tải xuống phần mềm.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

In NFC và Wireless Direct

HP cung cấp chức năng in Wi-Fi Direct và NFC (Giao tiếp cận trường) dành cho máy in với một Phụ kiện hỗ trợ NFC/Không dây HP Jetdirect 3000w. Phụ kiện này có sẵn dưới dạng tùy chọn dành cho máy in HP LaserJet có ổ tích hợp phần cứng (HIP).

In HP Wireless Direct, Wi-Fi Direct và NFC cho phép các thiết bị có chức năng Wi-Fi (di động) thực hiện một kết nối mạng không dây trực tiếp với máy in mà không dùng bộ định tuyến không dây.

Đối với chức năng in walk-up di động này, máy in không cần phải được kết nối với mạng để hoạt động.

Sử dụng Wireless Direct của HP để in không dây từ các thiết bị sau:

- iPhone, iPad hoặc iPod touch sử dụng ứng dụng Apple AirPrint hoặc HP ePrint
- Thiết bị di động Android dùng giải pháp in nhúng của Android hoặc ứng dụng HP ePrint
- Thiết bị Mac và PC dùng Phần mềm HP ePrint



Sử dụng Wi-Fi Direct để in không dây từ các thiết bị sau:

- Thiết bị di động Android dùng giải pháp in nhúng của Android hoặc ứng dụng HP ePrint

Để biết thêm thông tin về in HP Wireless Direct và Wi-Fi Direct, hãy truy cập www.hp.com/go/wirelessprinting.

Bạn có thể bật hoặc tắt các chức năng NFC, HP Wireless Direct và Wi-Fi Direct từ bảng điều khiển của máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, hãy cuộn đến và chạm vào menu [Administration](#) (Quản trị).
2. Mở các menu sau:
 - [Network Settings](#) (Cài đặt mạng)
 - [Wireless Menu](#) (Menu không dây)
 - [Wireless Direct](#)
3. Chọn [On](#) (Bật) để cho phép in không dây.

 **GHI CHÚ:** Trong môi trường có nhiều hơn một kiểu của cùng một máy in được lắp đặt, cung cấp cho mỗi máy in một tên Số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) riêng biệt hơn có thể giúp nhận diện máy in để in HP Wireless Direct dễ dàng hơn. SSID (Số nhận dạng do dịch vụ đặt) cũng có sẵn trên **How to Connect Page** (Trang Cách Kết nối) bằng cách chạm vào nút Network  (Mạng) từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in.

Làm theo quy trình này để thay đổi SSID của máy in:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, hãy cuộn đến và chạm vào menu [Administration](#) (Quản trị).
2. Mở các menu sau:
 - [Network Settings](#) (Cài đặt mạng)
 - [Wireless Menu](#) (Menu không dây)
 - [Wireless Direct](#)
 - [SSID](#)
3. Chọn vùng SSID name (Tên SSID).
4. Sử dụng bàn phím để thay đổi tên.
5. Chọn [OK](#) (Chế độ tiết kiệm).

In từ cổng USB

Giới thiệu


Máy in này có tính năng in easy-access USB để bạn có thể nhanh chóng in các tệp mà không cần gửi chúng từ máy tính. Máy in chấp nhận các ổ flash USB chuẩn trong cổng USB gần bảng điều khiển. Máy in hỗ trợ những loại tệp sau:

- .pdf
- .prn
- .pcl
- .ps
- .cht

Bật cổng USB để in


Cổng USB bị tắt theo mặc định. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy bật cổng USB. Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng:

Phương pháp một: Bật cổng USB từ các menu trên bảng điều khiển máy in

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.

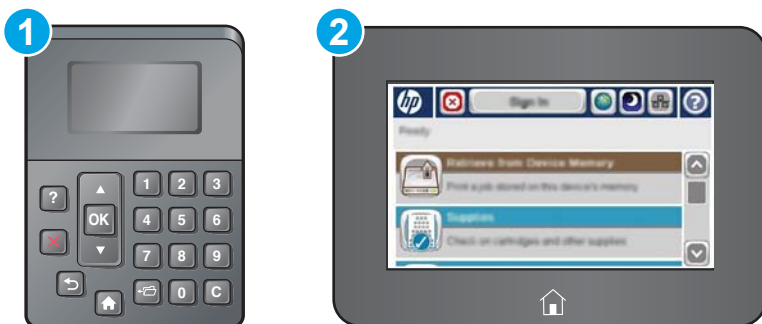


- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển 4 dòng |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Enable Retrieve from USB \(Bật truy xuất từ USB\)](#)
3. Chọn tùy chọn [Enabled \(Đã bật\)](#), rồi chạm vào nút [Save \(Lưu\)](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

Phương pháp hai: Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)


 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



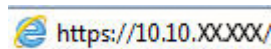
- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển 4 dòng |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |


1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:

- a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

2. Mở tab **Print (In)**.
3. Ở bên trái màn hình, nhấp **Retrieve from USB Setup** (Cài đặt truy xuất từ USB).
4. Chọn hộp chọn **Enable Retrieve from USB** (Bật truy xuất từ USB).
5. Bấm **Apply** (Áp dụng).

In tài liệu USB

1. Lắp ổ flash USB vào cổng easy-access USB.




GHI CHÚ: Cổng có thể đã được đẩy lại. Đối với một số máy in, nắp lật mở. Đối với các máy in khác, kéo nắp thẳng ra ngoài để tháo nắp.

2. Máy in phát hiện ổ flash USB. Chạm hoặc bấm vào nút **OK** để truy cập vào ổ đĩa, chọn tùy chọn **Retrieve from USB** (Truy xuất từ USB) từ danh sách các ứng dụng có sẵn. Màn hình **Retrieve from USB** (Truy xuất từ USB) mở ra.
3. Chọn tên tài liệu bạn muốn in.



GHI CHÚ: Tài liệu có thể nằm trong một thư mục. Bạn có thể mở thư mục khi cần.

4. Để điều chỉnh số lượng bản sao, chọn **Copies** (Bản sao) rồi dùng bàn phím để thay đổi số lượng bản sao.
5. Chạm vào nút Start  (Bắt đầu) hoặc bấm nút **OK** để in tài liệu.

5 Quản lý máy in

- [Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Các tính năng bảo mật của máy in](#)
- [Các cài đặt bảo tồn năng lượng](#)
- [HP Web Jetadmin](#)
- [Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM506.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

- [Giới thiệu](#)
- [Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP](#)


Giới thiệu

Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của máy in.


- Xem thông tin tình trạng máy in
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển máy in
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và máy in
- Xem và thay đổi cấu hình mạng

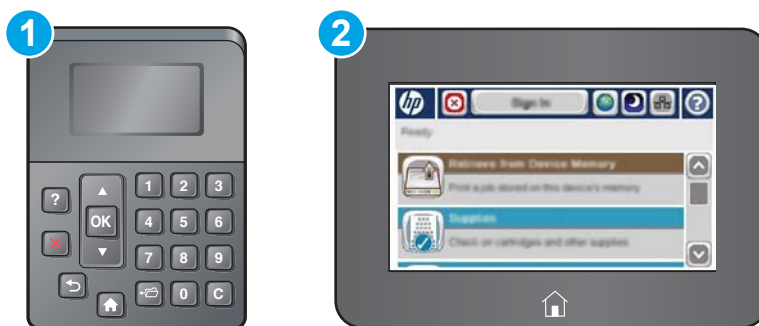
Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi máy in được kết nối với mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

Khi máy in được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.

 **GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.


Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.

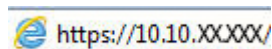



- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển 4 dòng |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

1. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

Để sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP, trình duyệt phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Windows® 7

- Internet Explorer (phiên bản 8.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

Windows® 8 trở lên

- Internet Explorer (phiên bản 9.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

OS X

- Safari (phiên bản 5.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)

Linux

- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP

- [Tab Information \(Thông Tin\)](#)
- [Tab General \(Chung\)](#)
- [Tab Print \(In\)](#)
- [Tab Troubleshooting \(Xử lý sự cố\)](#)

- [Tab Security \(Bảo mật\)](#)
- [Tab HP Web Services \(Dịch vụ Web HP\)](#)
- [Tab Networking \(Hoạt động mạng\)](#)
- [Danh sách Other Links \(Liên kết Khác\)](#)

Tab Information (Thông Tin)

Bảng 5-1 Tab Information (Thông tin) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Device Status (Trạng thái thiết bị)	Hiển thị trạng thái của máy in và hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này còn hiển thị loại và kích thước giấy được đặt cho mỗi khay. Để thay đổi cài đặt mặc định, hãy nhấp vào liên kết Change Settings (Thay đổi Cài đặt).
Job Log (Nhật ký lệnh in)	Hiển thị tổng hợp tất cả các lệnh in mà máy in đã xử lý.
Configuration Page (Trang cấu hình)	Hiển thị thông tin tìm thấy trên trang cấu hình.
Supplies Status Page (Trang trạng thái nguồn cung cấp)	Hiển thị trạng thái của nguồn cung cấp cho máy in.
Event Log Page (Trang nhật ký sự kiện)	Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của máy in. Sử dụng liên kết HP Instant Support (Hỗ trợ Tức thời của HP) (trong vùng Other Links (Liên kết Khác)) trên tất cả các trang của Máy chủ Web Nhúng của HP để kết nối với tập hợp các trang Web động giúp giải quyết sự cố. Các trang này còn hiển thị các dịch vụ bổ sung khả dụng cho máy in.
Số lượng trang đã dùng	Hiển thị tóm tắt số trang máy in đã in, được nhóm theo kích thước, loại và đường dẫn in giấy.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiển thị thông tin về tên mạng, địa chỉ và kiểu máy in. Để tùy chỉnh các mục nhập này, hãy nhấp vào menu Device Information (Thông tin Thiết bị) trên tab General (Chung).
Control Panel (Ảnh chụp nhanh bảng điều khiển)	Hiển thị hình ảnh của màn hình hiện tại trên màn hình của bảng điều khiển.
In	Tải lên tệp sẵn sàng in từ máy tính để in. Máy in sử dụng các cài đặt in mặc định để in tệp.
Printable Reports and Pages (Các trang và báo cáo có thể in)	Liệt kê các báo cáo và trang nội bộ cho máy in. Chọn một hoặc nhiều mục sẽ in hoặc xem.

Tab General (Chung)

Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Alerts (Cảnh báo)	Cài đặt cảnh báo qua email cho các sự kiện của máy in và các nguồn cung cấp khác nhau.
Control Panel Administration Menu (Menu quản trị của bảng điều khiển)	Hiển thị cấu trúc menu của menu Administration (Quản trị) trên bảng điều khiển. GHI CHÚ: Bạn có thể lập cấu hình các cài đặt trên màn hình này, nhưng Máy chủ Web Nhúng của HP cung cấp nhiều tùy chọn cấu hình nâng cao hơn so với các tùy chọn có sẵn thông qua menu Administration (Quản trị).
AutoSend (Tự động gửi)	Lập cấu hình máy in để gửi các email tự động về cấu hình máy in và các nguồn cung cấp đến những địa chỉ email cụ thể.

Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Edit Other Links (Sửa đổi các liên kết khác)	Thêm hoặc tùy chỉnh một liên kết đến một trang web khác. Liên kết này hiển thị trong vùng Other Links (Liên kết Khác) trên tất cả các trang Máy chủ Web Nhúng của HP.
Ordering Information (Thông tin đặt mua hàng)	Nhập thông tin về đặt hàng hộp mực in thay thế. Thông tin này sẽ hiển thị trên trang trạng thái nguồn cung cấp.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Đặt tên máy in và gán một mã số tài sản cho máy in này. Nhập tên của người liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về máy in.
Ngôn ngữ	Đặt ngôn ngữ sẽ hiển thị thông tin về Máy chủ web nhúng của HP.
Date and Time (Ngày giờ)	Đặt ngày giờ hoặc đồng bộ hóa với máy chủ thời gian mạng.
Cài đặt Năng lượng	Đặt hoặc chỉnh sửa thời gian hoạt động, thời gian nghỉ và trì hoãn nghỉ cho máy in. Đặt lịch trình khác nhau cho từng ngày trong tuần và cho các ngày nghỉ. Đặt những tương tác nào với máy in sẽ khiến cho máy in trở lại hoạt động từ chế độ nghỉ.
Backup and Restore (Sao lưu và lưu trữ)	Tạo tệp sao lưu chứa dữ liệu về máy in và người dùng. Nếu cần, hãy sử dụng tệp này để khôi phục dữ liệu cho máy in.
Restore Factory Settings (Khôi phục cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
Solution Installer (Trình cài đặt giải pháp)	Cài đặt các chương trình phần mềm của bên thứ ba có khả năng cải thiện chức năng của máy in.
Nâng cấp Chương trình cơ sở	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.
Statistics Services (Dịch vụ thống kê)	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ thống kê lệnh in của bên thứ ba.

Tab Print (In)

Bảng 5-3 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Retrieve from USB Setup (Thiết lập truy xuất từ USB)	Bật hoặc tắt menu Retrieve from USB (Truy lục từ USB) trên bảng điều khiển.
Manage Stored Jobs (Quản lý lệnh in đã lưu)	Bật hoặc tắt khả năng lưu trữ lệnh in trong bộ nhớ máy in. Lập cấu hình tùy chọn lưu trữ lệnh in.
Adjust Paper Types (Điều chỉnh loại giấy)	Ghi đè cài đặt chế độ mặc định gốc nếu có vấn đề về chất lượng in xảy ra khi sử dụng một loại giấy cụ thể.
Restrict Color (Giới hạn màu) (Chỉ các máy in màu)	Cho phép hoặc giới hạn in màu. Xác định quyền cho những người sử dụng riêng lẻ hoặc những lệnh in được gửi từ những chương trình phần mềm cụ thể.
General Print Settings (Cài đặt in chung)	Lập cấu hình các cài đặt cho mọi lệnh in.
Manage Trays (Quản lý khay)	Lập cấu hình cài đặt cho các khay giấy.

Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)

Bảng 5-4 Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Xử lý sự cố Chung	Chọn từ nhiều loại báo cáo và kiểm tra khác nhau để giúp giải quyết các vấn đề với máy in.
Online Help (Trợ giúp trực tuyến)	Lấy mã QR và liên kết Web đến các trang giải pháp dành cho máy in.
Diagnostic Data (Dữ liệu chẩn đoán) GHI CHÚ: Mục này chỉ khả dụng nếu một mật khẩu người quản trị được đặt từ tab Security (Bảo mật).	Xuất thông tin máy in vào một tệp có thể hữu ích cho việc phân tích vấn đề chi tiết.
Calibration/Cleaning (Cân chỉnh/Lau dọn) (Chỉ các máy in màu)	Bật tính năng tự động lau dọn, tạo và in trang lau dọn và chọn một tùy chọn để cân chỉnh máy in ngay lập tức.
Nâng cấp Chương trình cơ sở	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.
Restore Factory Settings (Khôi phục cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.

Tab Security (Bảo mật)

Bảng 5-5 Tab Security (Bảo mật) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
General Security (Bảo mật chung)	Cài đặt cho bảo mật chung, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">Lập cấu hình mật khẩu quản trị viên để hạn chế quyền truy cập vào một số tính năng nhất định trên máy in.Đặt mật khẩu PjL để xử lý các lệnh PjL.Đặt bảo mật truy cập hệ thống tệp và nâng cấp chương trình cơ sở.Bật hoặc tắt cổng USB chủ trên bảng điều khiển hoặc cổng kết nối USB trên bộ định dạng để in trực tiếp từ máy tính.Xem trạng thái của tất cả cài đặt bảo mật.
Access Control (Kiểm soát truy cập)	Lập cấu hình truy cập vào các chức năng của máy in cho các cá nhân hoặc nhóm cụ thể và chọn phương pháp các cá nhân sử dụng để đăng nhập vào máy in.
Protect Stored Data (Bảo vệ dữ liệu đã lưu)	Lập cấu hình và quản lý ổ đĩa cứng bên trong cho máy in. Lập cấu hình các cài đặt lệnh in được lưu trữ trên ổ đĩa cứng của máy in.
Certificate Management (Quản lý chứng nhận)	Cài đặt và quản lý các chứng nhận bảo mật đối với quyền truy cập vào máy in và mạng.
Bảo mật Dịch vụ Web	Cho phép các tài nguyên trên máy in này được truy cập bởi các trang web từ các tên miền khác nhau. Nếu không có trang web nào được thêm vào danh sách, khi đó tất cả mọi trang web đều được tin cậy.
Tự Kiểm tra	Kiểm tra và đảm bảo rằng các chức năng bảo mật đang hoạt động theo các thông số hệ thống dự kiến.

Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP)

Sử dụng tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP) để lập cấu hình và bật Dịch vụ Web HP cho máy in này. Cần phải bật Dịch vụ Web HP để sử dụng tính năng HP ePrint.

Bảng 5-6 Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP) trên Máy chủ web nhúng HP

Menu	Mô tả
Cài đặt Dịch vụ Web	Kết nối máy in này với HP Connected trên Web bằng cách bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP).
Web Proxy	Lập cấu hình máy chủ proxy nếu có vấn đề với việc bật Dịch vụ Web HP hoặc kết nối máy in với Internet.
Gỡ rối HP-ePrint	Bật các tính năng để giải quyết sự cố khi kết nối với các dịch vụ HP ePrint.

Tab Networking (Hoạt động mạng)

Sử dụng tab **Networking** (Mạng) để lập cấu hình và bảo mật cài đặt mạng cho máy in khi được kết nối với mạng dựa trên IP. Tab này không hiển thị nếu máy in được kết nối với các loại mạng khác.

Bảng 5-7 Tab Networking (Mạng) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Cài đặt Wireless Direct	Cấu hình các cài đặt Wi-Fi Direct dành cho máy in có bao gồm in Wi-Fi Direct và NFC nhúng hoặc có một phụ kiện không dây đã cài đặt. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
TCP/IP Settings (Cài đặt IPV6)	Lập cấu hình cài đặt TCP/IP cho các mạng IPv4 và IPv6. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
Network Settings (Cài đặt mạng)	Lập cấu hình cài đặt IPX/SPX, AppleTalk, DLC/LLC và SNMP, tùy thuộc vào kiểu máy chủ in.
Cài đặt Khác	Lập cấu hình giao thức in chung và các dịch vụ được hỗ trợ bởi máy chủ in. Tùy chọn có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in, nhưng có thể bao gồm cập nhật chương trình cơ sở, hàng đợi LPD, cài đặt USB, thông tin hỗ trợ và tốc độ làm mới.
AirPrint	Bật, cài đặt hoặc tắt in qua mạng từ các máy in được hỗ trợ của Apple.
Chọn Ngôn ngữ	Thay đổi ngôn ngữ được hiển thị bởi Máy chủ Web Nhúng của HP. Trang này hiển thị nếu các trang web hỗ trợ nhiều ngôn ngữ. Tùy chọn, chọn những ngôn ngữ được hỗ trợ thông qua cài đặt tùy chọn ngôn ngữ trong trình duyệt.
Cài đặt	Xem và khôi phục cài đặt bảo mật hiện tại về các giá trị mặc định ban đầu. Lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật. GHI CHÚ: Không sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật để lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng các ứng dụng quản lý mạng, chẳng hạn như HP Web Jetadmin.

Bảng 5-7 Tab Networking (Mạng) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Ủy quyền	<p>Kiểm soát việc quản lý cấu hình và sử dụng máy in này, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đặt hoặc thay đổi mật khẩu người quản trị để kiểm soát truy cập vào các thông số cấu hình. • Yêu cầu, cài đặt và quản lý chứng chỉ kỹ thuật số trên máy chủ in HP Jetdirect. • Hạn chế truy cập máy chủ vào máy in này thông qua một Danh sách Kiểm soát Truy cập (ACL) (với các máy chủ in được chọn chỉ trên mạng IPv4).
Quản lý. Giao thức	<p>Lập cấu hình và quản lý các giao thức bảo mật cho máy in này, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đặt mức quản lý bảo mật cho Máy chủ Web Nhúng của HP và kiểm soát lưu lượng qua HTTP và HTTPS. • Lập cấu hình hoạt động SNMP (Giao thức Quản lý Mạng Đơn giản). Bật hoặc tắt các tác nhân SNMP v1/v2c hoặc SNMP v3 trên máy chủ in. • Kiểm soát truy cập thông qua các giao thức có thể không được bảo mật, chẳng hạn như giao thức in, dịch vụ in, giao thức phát hiện, dịch vụ phân giải tên và các giao thức quản lý cấu hình.
Xác thực 802.1X (Chỉ dành cho kiểu HP Jetdirect được chọn)	<p>Lập cấu hình cài đặt xác thực 802.1X trên máy chủ in Jetdirect theo yêu cầu để xác thực ứng dụng khách trên mạng và đặt lại cài đặt xác thực 802.1X về các giá trị mặc định ban đầu.</p> <p>THẬN TRỌNG: Khi thay đổi cài đặt xác thực 802.1X; máy in có thể bị ngắt kết nối. Để kết nối lại, có thể cần đặt lại máy chủ in về trạng thái mặc định ban đầu và cài đặt lại máy in.</p>
IPsec/Firewall (Chỉ dành cho kiểu HP Jetdirect được chọn)	Xem hoặc lập cấu hình chính sách Tường lửa hoặc chính sách IPsec/Tường lửa.
Tác nhân Thông báo (Chỉ dành cho kiểu HP Jetdirect được chọn)	Bật hoặc tắt Tác nhân Thông báo Thiết bị HP, đặt máy chủ cấu hình và lập cấu hình xác thực lẫn nhau sử dụng chứng chỉ.
Thống kê Mạng	Hiển thị thống kê mạng được thu thập và lưu trữ trên máy chủ in HP Jetdirect.
Thông tin Giao thức	Xem danh sách cài đặt cấu hình mạng trên máy chủ in HP Jetdirect cho mỗi giao thức.
Configuration Page (Trang cấu hình)	Xem trang cấu hình HP Jetdirect, trong đó có tình trạng và thông tin cấu hình.

Danh sách Other Links (Liên kết Khác)



GHI CHÚ: Lập cấu hình những liên kết nào sẽ hiển thị trong danh sách **Other Links** (Liên kết Khác) bằng cách sử dụng menu **Edit Other Links** (Chỉnh sửa Liên kết Khác) trên tab **General** (Chung). Các mục sau là liên kết mặc định.

Bảng 5-8 Danh sách Other Links (Liên kết Khác) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Product Support (Hỗ trợ sản phẩm)	Kết nối với trang web hỗ trợ dành cho máy in để tìm kiếm trợ giúp về các chủ đề khác nhau.

Bảng 5-8 Danh sách Other Links (Liên kết Khác) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Shop for Supplies (Mua Nguồn cung cấp)	Kết nối với trang Web HP SureSupply để biết thông tin về cách mua các nguồn cung cấp HP chính hãng, chẳng hạn như hộp mực và giấy.
HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP)	Kết nối với trang Web của HP để tìm các giải pháp cho các vấn đề của máy in.

Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X

Sử dụng Tiện ích HP để kiểm tra trạng thái máy in hay để xem hoặc thay đổi các cài đặt của máy in từ máy tính của bạn.

Sử dụng Tiện ích HP khi máy in được kết nối bằng cáp USB hoặc được kết nối với mạng hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP.

Mở Tiện ích HP

1. Trên máy tính, mở menu **System Preferences** (Tùy chọn Hệ thống), rồi bấm **Print & Fax** (In & Fax), **Print & Scan** (In & Quét) hoặc **Printers & Scanners** (Máy in & Máy quét).
2. Chọn máy in từ danh sách.
3. Nhấp nút **Options & Supplies** (Tùy chọn & Mực in).
4. Nhấp tab **Utility** (Tiện ích).
5. Nhấp nút **Open Printer Utility** (Mở Tiện ích Máy in).

Các tính năng của Tiện ích HP

Thanh công cụ của Tiện ích HP bao gồm các mục sau:

- **Devices** (Thiết bị): Bấm vào nút này để hiển thị hoặc giấu sản phẩm Mac do Tiện ích HP tìm thấy.
- **All Settings** (Tất cả Cài đặt): Bấm nút này để trở lại giao diện chính của Tiện ích HP.
- **HP Support** (Hỗ trợ HP): Bấm nút này để mở trình duyệt và đi đến trang Web hỗ trợ của HP.
- **Supplies** (Mực in): Nhấp nút này để mở trang Web HP SureSupply.
- **Registration** (Đăng ký): Nhấp nút này để mở trang Web đăng ký của HP.
- **Recycling** (Tái chế): Nhấp nút này để mở trang Web Chương trình Tái chế và Đối tác Toàn cầu của HP.

Tiện ích HP bao gồm nhiều trang. Bạn có thể mở các trang này bằng cách bấm vào danh sách **All Settings** (Tất cả Cài đặt). Bảng sau mô tả các tác vụ sẵn dùng với Tiện ích HP.

Mục	Mô tả
Tình trạng Mực in	Hiển thị tình trạng mực in của máy in và cung cấp các liên kết để đặt mua mực in trực tuyến.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiển thị thông tin về máy in đang được chọn.
File Upload (Tải lên tệp)	Chuyển các tệp từ máy tính đến máy in.
Upload Fonts (Tải lên phông chữ)	Chuyển các tệp phông chữ từ máy tính sang máy in.
HP Connected (Được kết nối với HP)	Truy cập trang web được kết nối với HP.

Mục	Mô tả
Update Firmware (Cập nhật chương trình cơ sở)	Chuyển tệp cập nhật chương trình cơ sở sang máy in. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
Commands (Lệnh)	Gửi các ký tự đặc biệt hoặc các lệnh in đến máy in sau lệnh in. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
Supplies Management (Quản lý nguồn cung cấp)	Cấu hình cách hoạt động của máy in khi nguồn cung cấp gần như đã hết thời gian sử dụng.
Trays Configuration (Cấu hình khay)	Thay đổi cài đặt mặc định của khay.
Output Devices (Thiết bị đầu ra)	Quản lý cài đặt cho các phụ kiện đầu ra tùy chọn.
Duplex Mode (Chế độ in hai mặt)	Bật chế độ in hai mặt tự động.
Economode & Toner Density (Chế độ tiết kiệm & Mật độ bột mực)	Lập cấu hình các cài đặt để tránh lãng phí bột mực.
E-mail Alerts (Cảnh báo email)	Lập cấu hình các cảnh báo email tự động đối với từng điều kiện máy in cụ thể, chẳng hạn như khi nào cần thay mực in, khay hết giấy, cửa mở, hoặc giấy bị kẹt.
Resolution (Độ phân giải)	Đặt độ phân giải in mặc định.
Protect Direct Ports (Bảo vệ cổng trực tiếp)	Tắt quá trình in qua cổng USB hoặc các cổng song song.
Stored Jobs (Lệnh in đã lưu)	Quản lý các lệnh in đã được lưu trên đĩa cứng của máy in.
Network Settings (Cài đặt mạng)	Cấu hình cài đặt mạng, như cài đặt IPv4 và IPv6.
Cài đặt Bổ sung	Cung cấp quyền truy cập vào Máy chủ web nhúng của HP.

Định cấu hình cài đặt mạng IP

- [Từ chối chia sẻ máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Đổi tên sản phẩm trên mạng](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)

Từ chối chia sẻ máy in

HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại www.microsoft.com.

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



GHI CHÚ: Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

2. Nhấp tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

Đổi tên sản phẩm trên mạng

Để đổi tên sản phẩm trên mạng để có thể xác định duy nhất sản phẩm, hãy sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



GHI CHÚ: Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

2. Mở tab **General** (Chung).
3. Trên trang **Device Information** (Thông tin Thiết bị), tên sản phẩm mặc định nằm trong trường **Device Name** (Tên Thiết bị). Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất sản phẩm này.

GHI CHÚ: Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.

4. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu **Administration** (Quản trị) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng phụ và cổng mặc định theo cách thủ công.


- Bấm nút Home (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
- Mở các menu sau:
 - Administration** (Quản trị)
 - Network Settings** (Cài đặt mạng)
 - Jetdirect Menu** (Menu Jetdirect)
 - TCP/IP**
 - Cài đặt IPV 4**
 - Config Method** (Phương pháp cấu hình)
- Chọn tùy chọn **Manual** (Thủ công), sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).
- Mở menu **Manual Settings** (Cài đặt Thủ công).

5. Chạm vào tùy chọn **IP Address** (Địa chỉ IP), **Subnet Mask** (Mặt nạ mạng Phụ), hoặc **Default Gateway** (Cổng Mặc định).
6. Chạm vào trường đầu tiên để mở bàn phím số. Nhập các chữ số chính xác cho trường này, sau đó chạm vào nút **OK**.

Lặp lại quá trình này cho mỗi trường, sau đó chạm vào nút **OK**.

Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công


Sử dụng các menu **Administration** (Quản trị) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv6 theo cách thủ công.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Để cho phép cấu hình thủ công, hãy mở các menu sau:
 - **Administration** (Quản trị)
 - **Network Settings** (Cài đặt mạng)
 - **Jetdirect Menu** (Menu Jetdirect)
 - **TCP/IP**
 - **IPV6 Settings** (Cài đặt IPV6)
 - **Address** (Địa chỉ)
 - **Manual Settings** (Cài đặt thủ công)
 - **Enable** (Bật)


Chọn tùy chọn **On** (Bật), sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).


3. Để lập cấu hình địa chỉ, hãy chạm vào nút **Address** (Địa chỉ), sau đó chạm vào trường này để mở bàn phím số.
4. Sử dụng bàn phím số để nhập địa chỉ, sau đó chạm vào nút **OK**.
5. Chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.


Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để sản phẩm ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn sản phẩm không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của sản phẩm phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, sản phẩm sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi sản phẩm chạy không (nhàn rỗi).

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [Network Settings \(Cài đặt mạng\)](#)
 - [Jetdirect Menu \(Menu Jetdirect\)](#)
 - [Tốc độ Liên kết](#)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - [Auto](#) (Tự động): Máy chủ in tự động cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
 - [10T Half](#) (10T một nửa): Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
 - [10T Full](#) (10T đầy đủ): Truyền song công, 10 Mbps
 - [10T Auto](#) (10TX tự động): Truyền song công tự động, 10 Mbps
 - [100TX Half](#) (100TX một nửa): Truyền bán song công, 100 Mbps
 - [100TX Full](#) (100TX đầy đủ): Truyền song công, 100 Mbps
 - [100TX Auto](#) (100TX tự động): Truyền song công tự động, 100 Mbps
 - [1000T Full](#) (10T đầy đủ): Truyền song công, 1000 Mbps
4. Chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#). Sản phẩm sẽ tắt, sau đó bật lại.

Các tính năng bảo mật của máy in

Giới thiệu

Máy in bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.


- [Tuyên bố bảo mật](#)
- [Gán mật khẩu của quản trị viên](#)
- [Bảo mật IP](#)
- [Khóa bộ định dạng](#)
- [Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP](#)

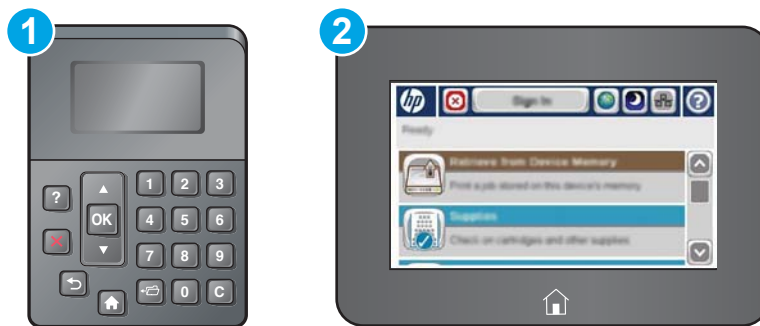
Tuyên bố bảo mật

Máy in hỗ trợ các chuẩn bảo mật và các giao thức được khuyến nghị sử dụng. Những chuẩn và giao thức này giúp bạn giữ an toàn cho máy in, bảo vệ những thông tin then chốt trên mạng của bạn và đơn giản hóa cách thức giám sát và duy trì máy in.

Gán mật khẩu của quản trị viên

Gán một mật khẩu của quản trị viên để truy cập vào máy in và Máy chủ web nhúng của HP để người dùng không được phép không thể thay đổi cài đặt của máy in.


 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



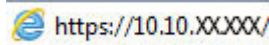
- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển 4 dòng |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |


1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.


- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.




 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.


2. Nhấp tab **Security** (Bảo mật).
3. Mở menu **General Security** (Bảo mật Chung).
4. Trong vùng có nhãn **Set the Local Administrator Password** (Đặt mật khẩu người quản trị cục bộ), nhập tên để liên kết với mật khẩu trong trường **Username** (Tên người dùng).
5. Nhập mật khẩu vào trường **New Password** (Mật khẩu Mới), sau đó nhập lại mật khẩu này vào trường **Verify Password** (Xác nhận Mật khẩu).

 **GHI CHÚ:** Để thay đổi mật khẩu hiện tại, trước tiên bạn phải nhập mật khẩu hiện tại vào trường **Old Password** (Mật khẩu Cũ).

6. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).

 **GHI CHÚ:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn.

 **GHI CHÚ:** Để duy trì bảo mật cho máy in, chọn **Sign Out** (Đăng xuất) khi sử dụng xong máy in.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Sign In** (Đăng nhập).
3. Làm theo lời nhắc để nhập thông tin đăng nhập.

Thông thường, thông tin đăng nhập vào máy in giống với thông tin đăng nhập vào mạng. Tham khảo ý kiến của người quản trị mạng cho máy in này nếu bạn có câu hỏi về thông tin đăng nhập để sử dụng.

Một số tính năng trên bảng điều khiển máy in có thể được bảo mật để những người không được phép không thể sử dụng chúng. Khi một tính năng được bảo mật, máy in sẽ nhắc bạn đăng nhập trước khi bạn có thể sử dụng nó. Bạn cũng có thể đăng nhập mà không cần chờ nhắc bằng cách chọn **Sign In** (Đăng nhập) từ bảng điều khiển của máy in.

Bảo mật IP

Bảo mật IP (IPsec) là tập hợp các giao thức kiểm soát lưu lượng truy cập mạng dựa trên IP vào và ra máy in. IPsec cho phép xác nhận giá trị từ máy chủ này đến máy chủ khác, tính nguyên vẹn của dữ liệu và sự mã hóa các kênh giao tiếp mạng.

Đối với những máy in được kết nối mạng và có máy chủ in HP Jetdirect, bạn có thể cấu hình IPsec bằng cách sử dụng tab **Networking** (Hoạt động mạng) trong Máy chủ web nhúng của HP.

Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng. Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP

Ổ cứng này cung cấp tính năng mã hóa bằng phần cứng để bạn có thể lưu dữ liệu nhạy cảm một cách an toàn mà không ảnh hưởng tới hiệu suất của máy in. Ổ cứng này sử dụng Chuẩn mã hóa nâng cao (AES) mới nhất và có tính năng tiết kiệm thời gian linh hoạt và chức năng mạnh mẽ.

Sử dụng menu **Security** (Bảo mật) trong Máy chủ web nhúng của HP để cấu hình đĩa.

Các cài đặt bảo tồn năng lượng


Giới thiệu

- [In bằng EconoMode](#)
- [Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn](#)

In bằng EconoMode

Máy in này có tùy chọn EconoMode (Chế độ tiết kiệm) dành cho việc in các bản tài liệu nháp. Sử dụng Chế độ tiết kiệm có thể sử dụng ít bột mực hơn. Tuy nhiên, sử dụng Chế độ tiết kiệm cũng có thể làm giảm chất lượng in.


HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn này không sẵn có trong trình điều khiển in của bạn, bạn có thể thiết lập tùy chọn bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ trình điều khiển in

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Bấm vào ô **EconoMode** (Chế độ tiết kiệm) để bật tính năng này, sau đó bấm **OK**.

Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ bảng điều khiển của máy in

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration](#) (Quản trị)
 - [General Settings](#) (Cài đặt chung)
 - [Print Quality](#) (Chất lượng In)
3. Chọn [EconoMode](#) (Chế độ tiết kiệm).
4. Chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt) để bật hoặc tắt tính năng này, sau đó chạm vào [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.

Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn


Máy in có một số tùy chọn dành cho tính năng hẹn giờ nghỉ tiết kiệm năng lượng. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trì hoãn để nhập tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động) và việc dùng nguồn điện trong suốt tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động) thay đổi khác nhau tùy theo lựa chọn cho tùy chọn Wake/Auto On (Hoạt động/Tự động bật).



GHI CHÚ: Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển 4 dòng |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Cài đặt Năng lượng](#)
 - [Sleep Timer Settings \(Cài đặt hẹn giờ nghỉ\)](#)
3. **Bảng điều khiển 4 dòng chỉ:** Chọn [Sleep/Auto Off Timer](#) (Hẹn giờ tắt chế độ Nghỉ/Tự động) rồi chọn [Enabled](#) (Đã bật). Bấm nút **OK**.
4. Chọn [Sleep /Auto Off After](#) (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động sau).
5. Dùng bàn phím để nhập khoảng thời gian thích hợp, sau đó chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.



GHI CHÚ: Thời gian mặc định cho chế độ nghỉ là 0 phút. Máy in sẽ chuyển sang chế độ nghỉ ngay lập tức sau khi hoàn tất mỗi lệnh in.

6. Chọn một trong các tùy chọn [Wake/Auto On to These Events](#) (Hoạt động/Tự động bật sự kiện này):

- **All events** (Tất cả các sự kiện): Máy in hoạt động khi nhận được bất kỳ lệnh in (qua cổng USB, cổng mạng, hoặc kết nối không dây), hoặc khi ai đó bấm vào nút trên bảng điều khiển, hay mở bất kỳ khay hoặc cửa nào.
- **Network port** (Cổng mạng): Máy in hoạt động khi nhận được một lệnh in được gửi đến qua cổng mạng, hoặc khi ai đó bấm vào nút trên bảng điều khiển, hoặc mở bất kỳ khay hoặc cửa nào. **Với cài đặt này, máy in dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn khi ở tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động).**



GHI CHÚ: Khi một lệnh in được gửi qua mạng trong thời gian nghỉ, máy in sẽ hoạt động trở lại và in lệnh in, nhưng bảng điều khiển sẽ mờ.

- **Power button only** (Chỉ nút nguồn): Máy in chỉ hoạt động khi ai đó bấm vào nút nguồn. **Với cài đặt này, máy in dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn khi ở tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động).**

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nối mạng, bao gồm máy in, máy in đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập www.hp.com/go/webjetadmin để biết thêm thông tin.

Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở

HP thường xuyên cập nhật các tính năng có trong chương trình cơ sở của máy in. Để tận dụng các tính năng mới nhất, hãy cập nhật chương trình cơ sở của máy in. Tải xuống tệp cập nhật chương trình cơ sở gần đây nhất từ web:

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM506. Nhấp vào **Drivers & Software** (Trình điều khiển & Phần mềm).

6 Giải quyết sự cố

- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển](#)
- [Xác lập lại cài đặt gốc](#)
- [Thông báo “Cartridge is low” \(Hộp mực in ở mức thấp\) hoặc “Cartridge is very low” \(Hộp mực in gần hết\) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in](#)
- [Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây](#)

Để biết thêm thông tin:

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/ljM506.


Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Hỗ trợ khách hàng


Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp máy in hoặc xem tại www.hp.com/support/ .
Chuẩn bị sẵn sàng tên máy in, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố	
Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm	www.hp.com/support/ljM506
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	www.hp.com/go/carepack
Đăng ký máy in	www.register.hp.com

Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Máy in có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng menu hoặc màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, bấm nút  trên bảng điều khiển.




Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ cho bạn biết các quy trình cụ thể, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Nếu máy in báo lỗi hoặc đưa ra cảnh báo, hãy nhấn vào nút  Trợ giúp để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.


Xác lập lại cài đặt gốc


Giới thiệu

Dùng một trong các phương thức sau để khôi phục máy in về các cài đặt gốc từ nhà máy.


 **GHI CHÚ:** Xác lập lại cài đặt gốc sẽ thiết lập hầu hết các cài đặt của máy in về mặc định gốc của chúng. Tuy nhiên, có một số cài đặt không được thay đổi, ví dụ như ngôn ngữ, ngày tháng, thời gian và một số cài đặt cấu hình mạng.

Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Restore Factory Settings \(Khôi phục cài đặt gốc\)](#)
3. Một thông báo xác nhận sẽ cho biết việc hoàn thành chức năng xác lập lại có thể gây ra thất thoát dữ liệu. Chọn [Reset](#) (Xác lập lại) để hoàn thành quá trình.


 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)

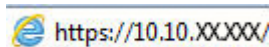
 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.




- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển 4 dòng |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:
 - a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.
Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.


- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

2. Mở tab **General** (Chung).
3. Ở bên trái màn hình, nhấp **Restore Factory Settings** (Khôi phục lại cài đặt gốc).
4. Bấm vào nút **Reset** (Xác lập lại).

 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in

Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này.

Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Cartridge is very low (Hộp mực in gần hết): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Khi hộp mực in HP **Very Low** (Gần hết), Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP trên hộp mực in đó sẽ chấm dứt.

Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)

Bạn có thể thay đổi cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn cài đặt một hộp mực in mới.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, cuộn đến và chạm vào **Supplies** (Mực in).
2. Mở các menu sau:
 - **Manage Supplies** (Quản lý mực in)
 - **Supply Settings** (Cài đặt mực in)
 - **Black Cartridge** (Hộp mực đen) hoặc **Color Cartridge** (Hộp mực màu)
 - **Very Low Settings** (Cài đặt gần hết)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - Chọn tùy chọn **Stop** (Dừng) để đặt máy in dừng in khi hộp mực ở ngưỡng **Very Low** (Gần hết).
 - Chọn tùy chọn **Prompt to continue** (Nhắc để tiếp tục) để đặt máy in dừng in khi hộp mực tiến đến ngưỡng **Very Low** (Gần hết). Bạn có thể xác nhận lời nhắc hoặc thay thế hộp mực để tiếp tục in.
 - Chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) để đặt máy in cảnh báo bạn rằng hộp mực gần hết và tiếp tục in ngoài mức cài đặt **Very Low** (Gần hết) mà không cần tương tác. Điều này có thể dẫn tới chất lượng in không tốt.

Đối với các sản phẩm có tính năng fax

Khi máy in được đặt về tùy chọn **Stop** (Dừng) hoặc **Prompt to continue** (Nhắc để tiếp tục), có khả năng là các bản fax sẽ không in được khi máy in tiếp tục in. Điều này có thể xảy ra nếu máy in đã nhận được số bản fax nhiều hơn khả năng lưu giữ của bộ nhớ trong khi máy in đang chờ.

Máy in có thể in các bản fax mà không bị gián đoạn khi vượt ngưỡng Gần hết nếu bạn chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) cho hộp mực in nhưng chất lượng in có thể giảm xuống.

Đặt hàng mực in

Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

Giới thiệu

Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc. Một trong hai trường hợp này có thể gây kẹt giấy.


- [Máy in không nạp giấy](#)
- [Máy in nạp nhiều giấy](#)

Máy in không nạp giấy

Nếu máy in không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

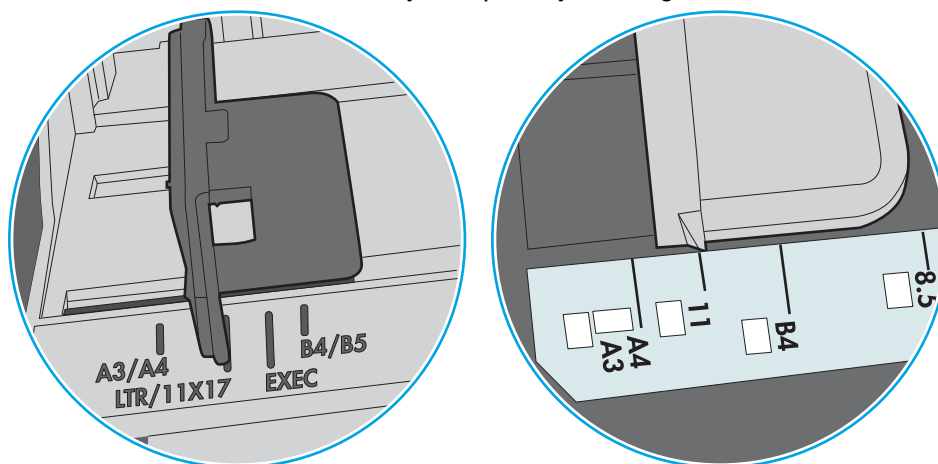
1. Mở máy in và gỡ hết giấy bị kẹt ra. Kiểm tra xem có mảnh vụn giấy rách nào còn kẹt lại bên trong máy in không.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của máy in.

4. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

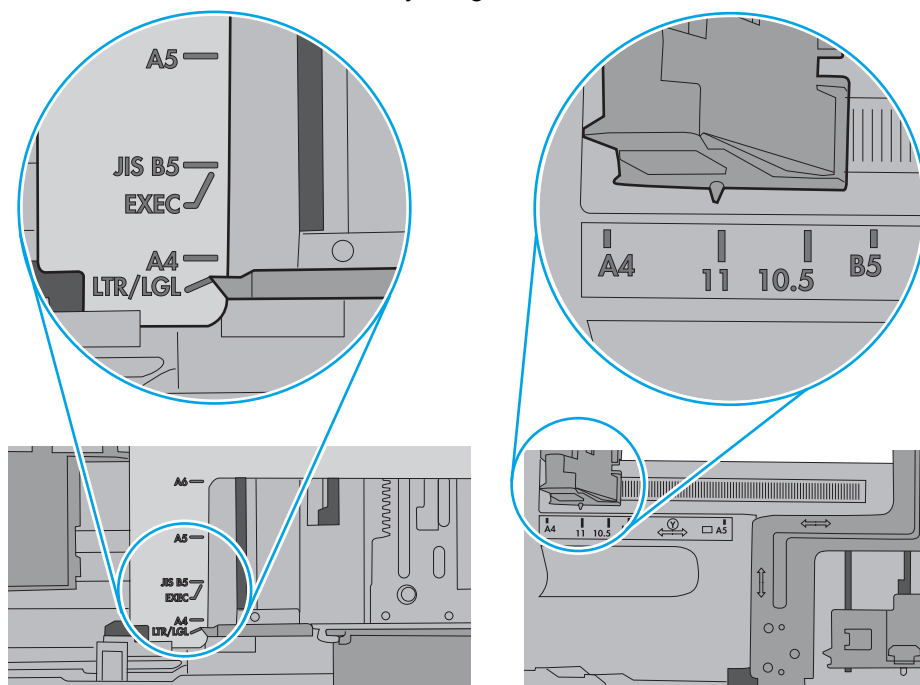
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-1 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-2 Dấu kích thước cho khay băng từ

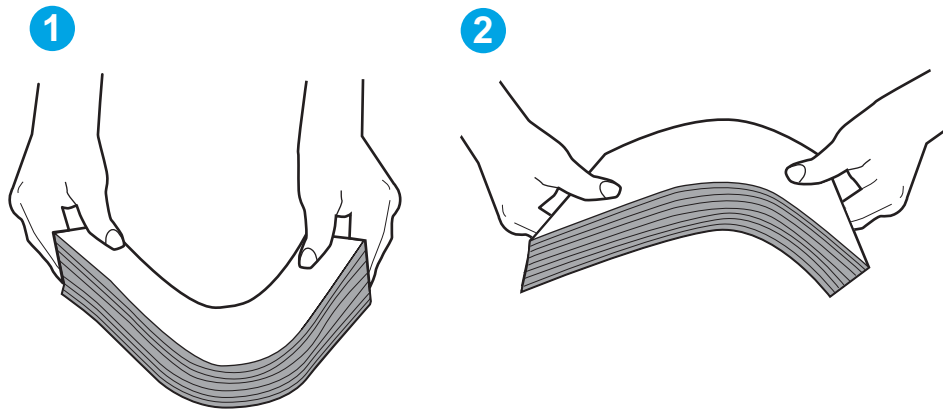


5. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-3 Cách uốn cong tập giấy

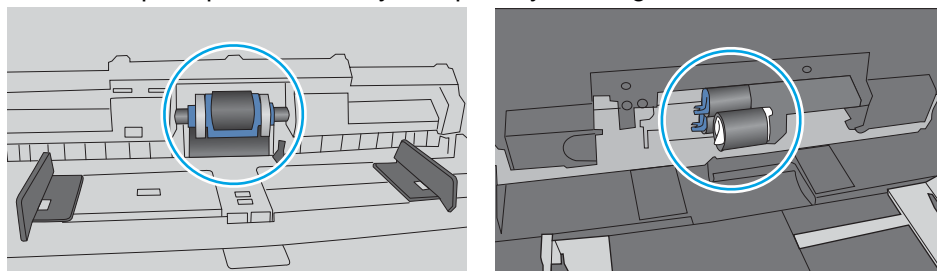


6. Kiểm tra bảng điều khiển máy in để xem máy có đang hiển thị lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
7. Trục lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch trục lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Sử dụng nước cất, nếu có.

⚠ THẬN TRỌNG: Không phun nước trực tiếp lên máy in. Thay vào đó, hãy phun nước trên vải hoặc nhúng miếng vải vào nước và vắt hết nước ra trước khi lau sạch trục lăn.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về vị trí trục lăn cho nhiều máy in khác nhau.

Hình 6-4 Vị trí trục lăn cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Máy in nạp nhiều giấy

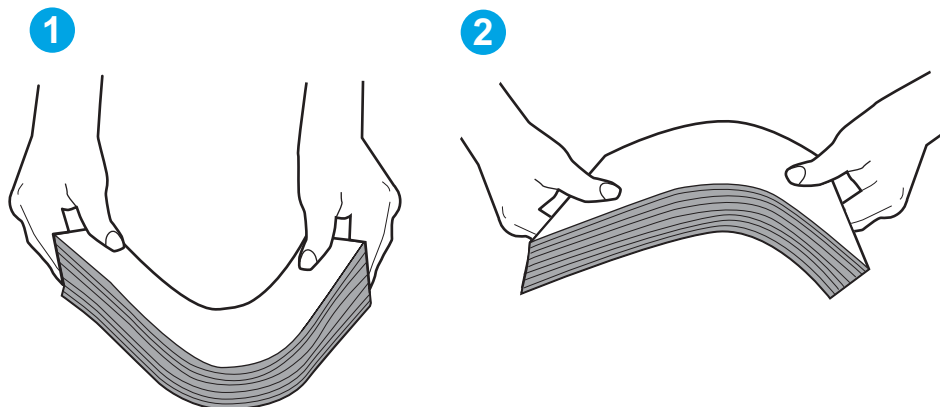
Nếu máy in nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra*. Đưa tập giấy vào lại khay.



GHI CHÚ: Xòe giấy ra để đưa ra tĩnh điện. Thay vì xòe giấy ra, hãy uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-5 Cách uốn cong tập giấy



2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
3. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

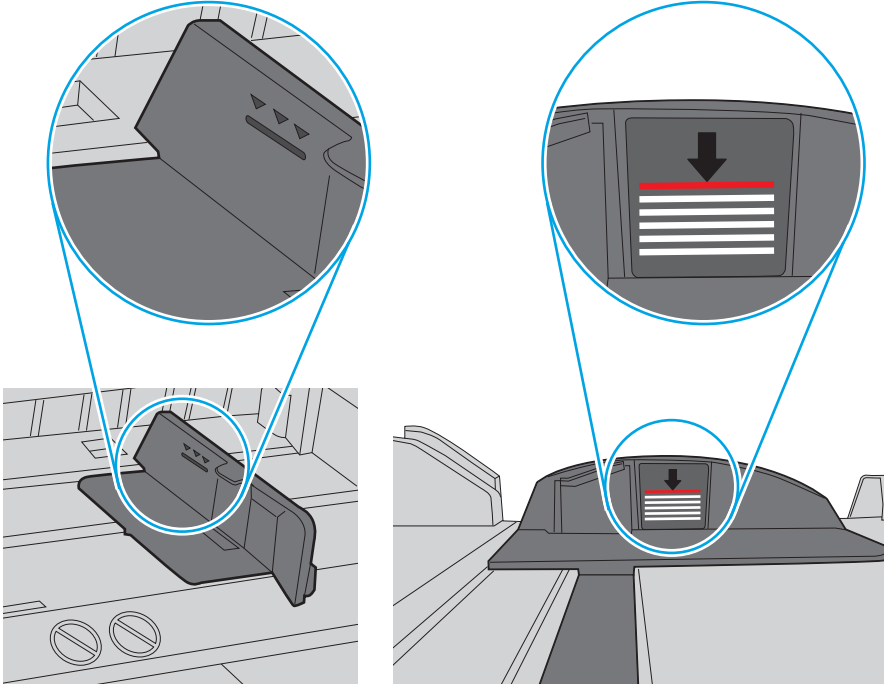
Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy như được mô tả ở trên.

4. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

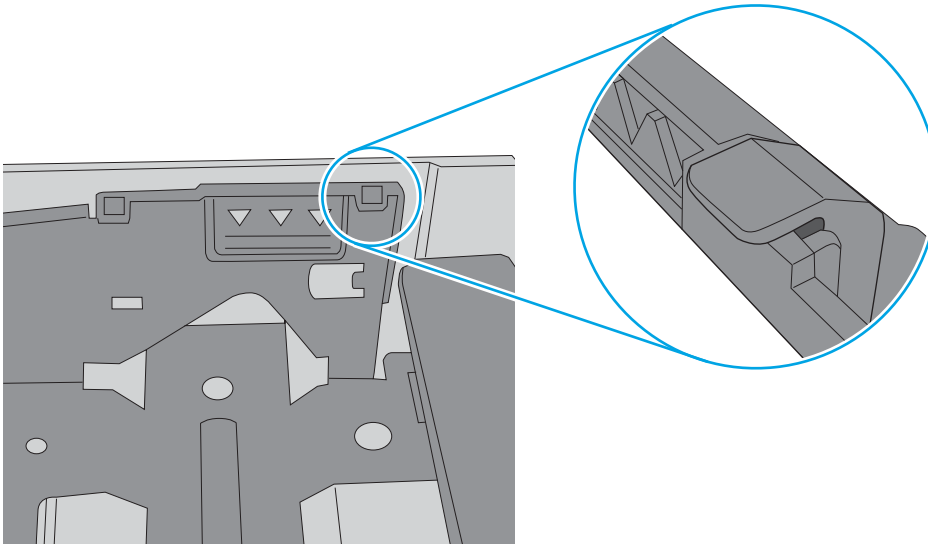
5. Đảm bảo khay không quá đầy bằng cách kiểm tra các dấu chiều cao tập giấy nằm bên trong khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu chiều cao tập giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này. Đồng thời kiểm tra để chắc rằng tất cả các trang giấy nằm ở dưới các vấu gần dấu chiều cao tập giấy. Các vấu này giúp giữ giấy ở đúng vị trí khi nó đi vào máy in.


Hình 6-6 Dấu chiều cao tập giấy



Hình 6-7 Vấu cho tập giấy

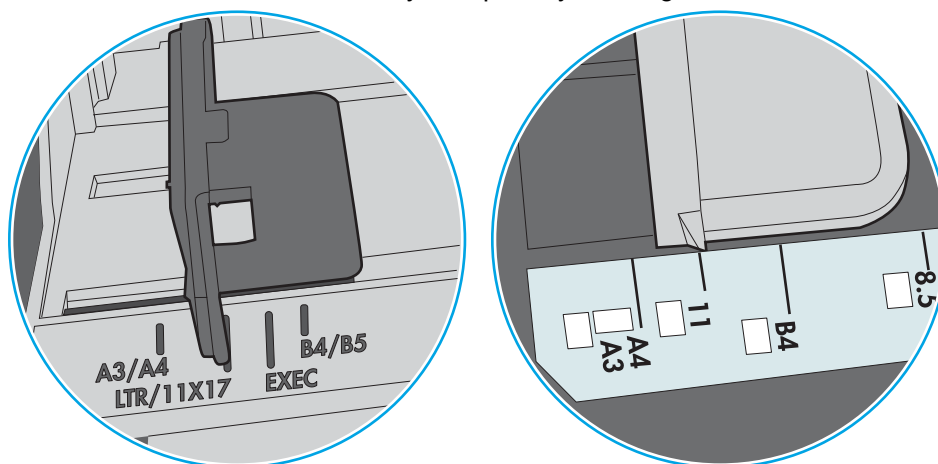


6. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

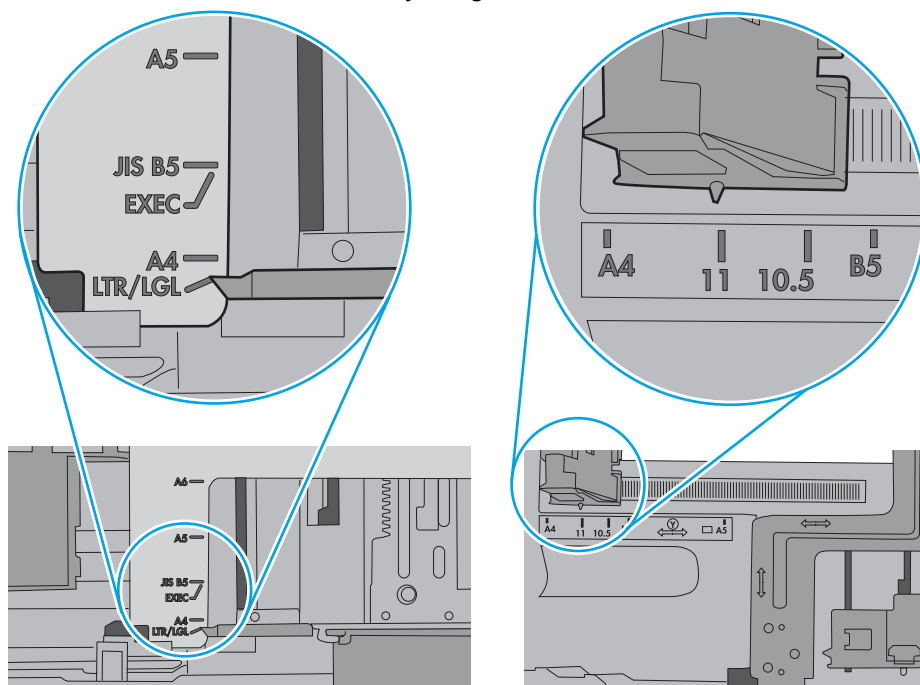
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-8 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-9 Dấu kích thước cho khay băng từ



7. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

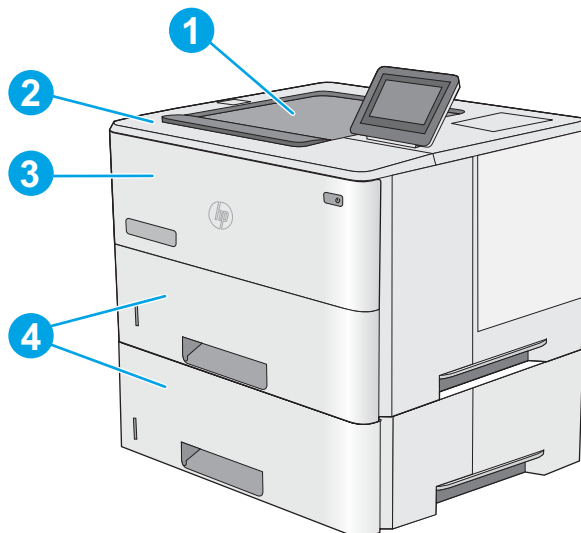
Xử lý kẹt giấy

Giới thiệu

Thông tin sau đây bao gồm các hướng dẫn về cách gỡ giấy kẹt khỏi máy in.

- [Các vị trí kẹt giấy](#)
- [Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt](#)
- [Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong Khay 1](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong Khay 2 và các khay 550 tờ](#)
- [Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in](#)
- [Xử lý kẹt giấy trong cửa phía sau và khu vực cuộn sấy](#)
- [Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt](#)

Các vị trí kẹt giấy



1	Ngăn giấy đầu ra
2	Nắp trên cùng và khu vực hộp mực in
3	Khay 1
4	Khay 2 và các khay 1 x 550 tờ tùy chọn

GHI CHÚ: Tháo Khay 2 để lấy giấy kẹt trong bộ in hai mặt.

Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt

Tính năng tự động điều hướng hỗ trợ bạn tháo giấy kẹt bằng cách cung cấp các hướng dẫn từng bước trên bảng điều khiển. Khi hoàn tất một bước, máy in sẽ hiển thị các hướng dẫn cho bước tiếp theo, cho đến khi bạn thực hiện xong tất cả các bước trong quy trình.

Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

Để giảm số lần kẹt giấy, hãy thử các giải pháp sau.

1. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
2. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.
3. Sử dụng giấy chưa được in hoặc sao chép trước đó.
4. Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh các thanh dẫn để chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.
6. Đảm bảo rằng khay được lắp hoàn toàn vào máy in.
7. Nếu bạn đang in trên giấy nặng, được dập nổi, hoặc được đục lỗ, hãy sử dụng tính năng nạp giấy thủ công và nạp từng tờ một.
8. Mở menu **Trays** (Khay) trên bảng điều khiển của máy in. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được cấu hình chính xác cho loại và kích cỡ giấy.
9. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

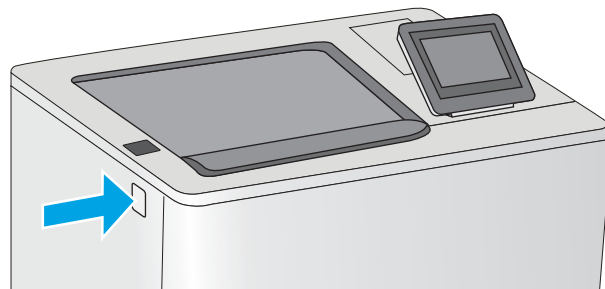
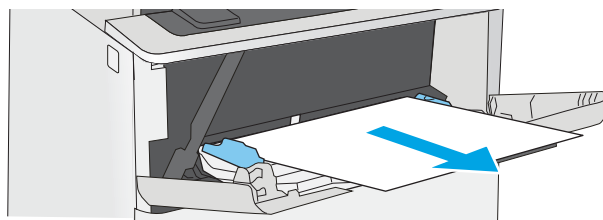
Gỡ giấy kẹt trong Khay 1

Sử dụng quy trình sau đây để gỡ kẹt giấy trong Khay 1. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

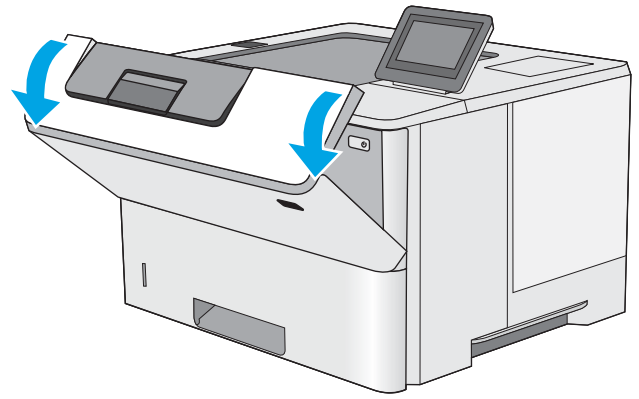
1. Nếu có thể thấy hầu hết tờ giấy trong khay, hãy từ từ kéo giấy khỏi máy in. Kiểm tra chắc chắn rằng toàn bộ tờ giấy đã được tháo ra. Nếu giấy bị rách, hãy tiếp tục thực hiện các bước sau để tìm các mảnh còn dư lại.

Nếu hầu hết tờ giấy đã được kéo ra nằm bên trong máy in, tiếp tục làm các bước sau.

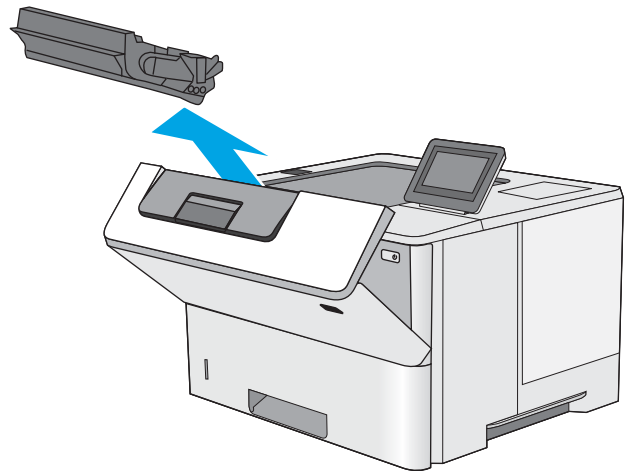
2. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



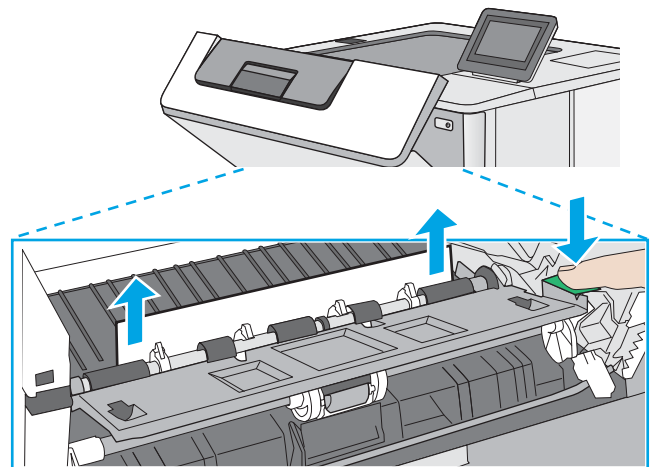
3. Mở cửa trước.



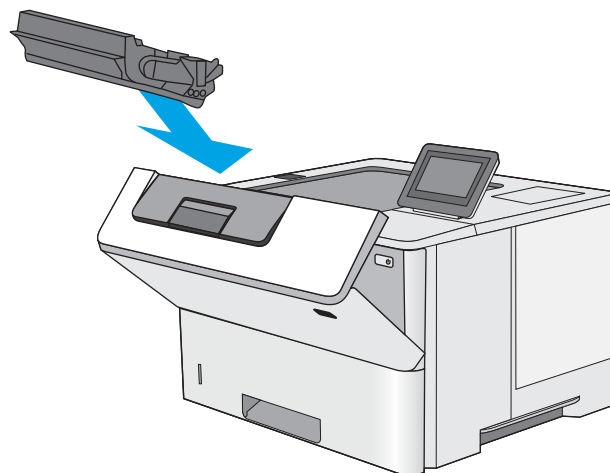
4. Tháo hộp mực in.



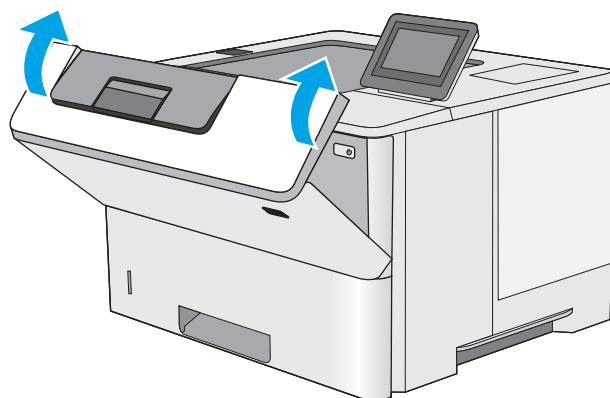
5. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



6. Lắp lại hộp mực in.



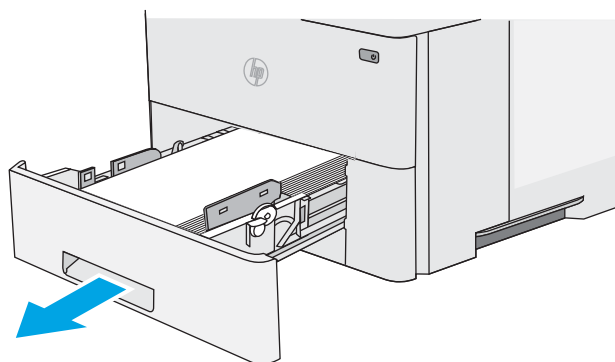
7. Đóng cửa trước.



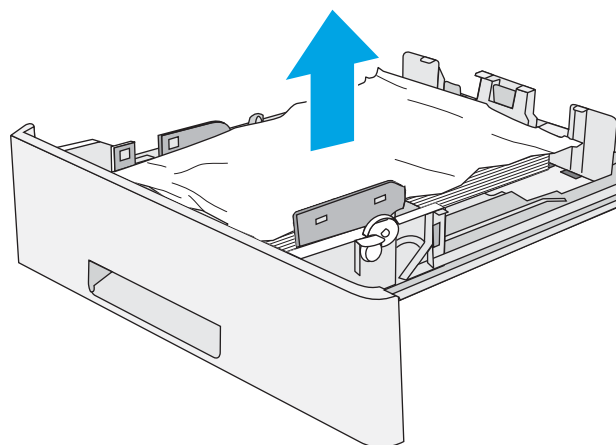
Gỡ giấy kẹt trong Khay 2 và các khay 550 tờ

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt trong Khay 2 và các khay 550 tờ. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

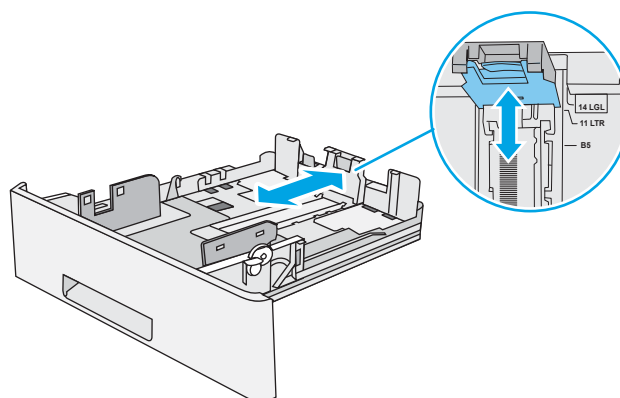
1. Tháo khay ra khỏi máy in.



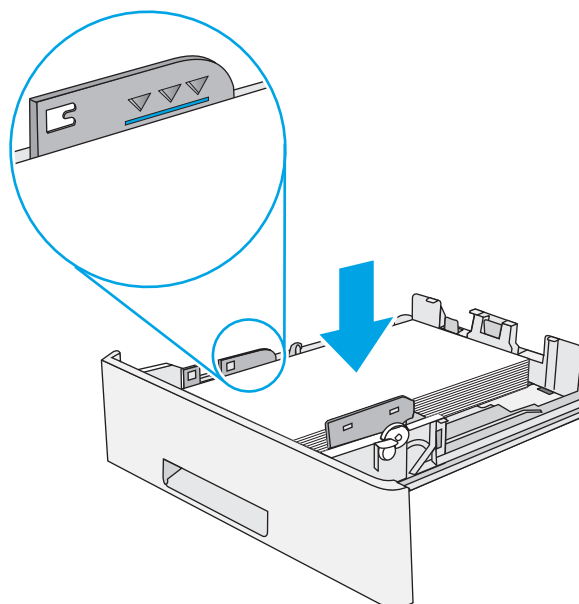
2. Rút giấy khỏi khay và rút bỏ giấy bị hỏng.



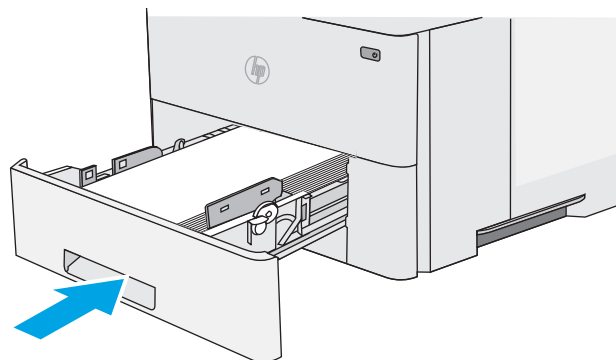
3. Kiểm tra và đảm bảo thanh dẫn giấy phía sau được điều chỉnh lề khớp với khổ giấy chính xác. Nếu cần thiết, kẹp chốt tháo và di chuyển thanh dẫn giấy tới vị trí chính xác. Thanh dẫn phải khớp vào đúng vị trí.



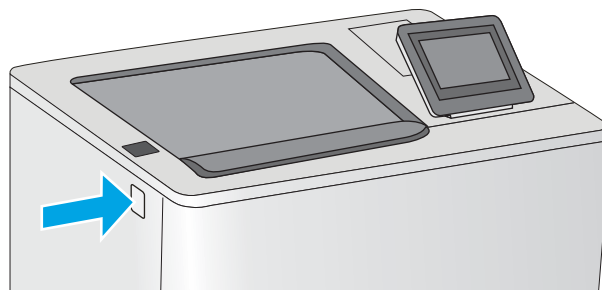
4. Nạp giấy vào khay. Đảm bảo rằng tất cả bốn góc của tập giấy phẳng và mặt trên cùng của tập giấy ở dưới vạch chỉ báo chiều cao tối đa.



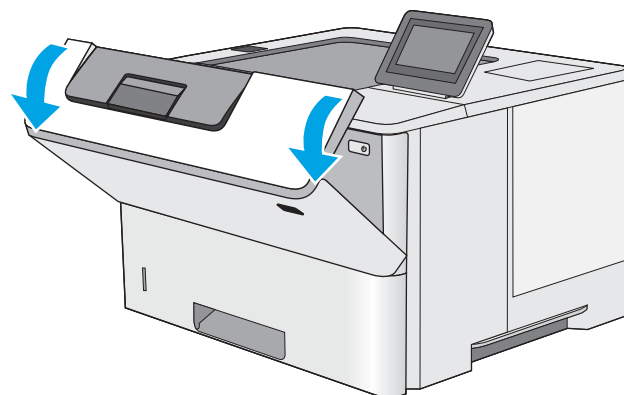
5. Lắp lại và đóng khay.



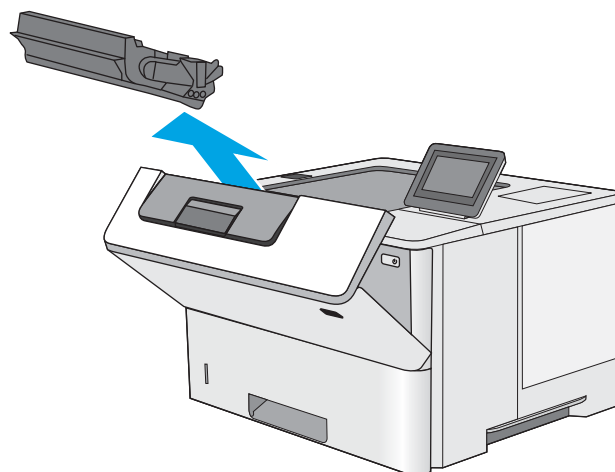
6. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



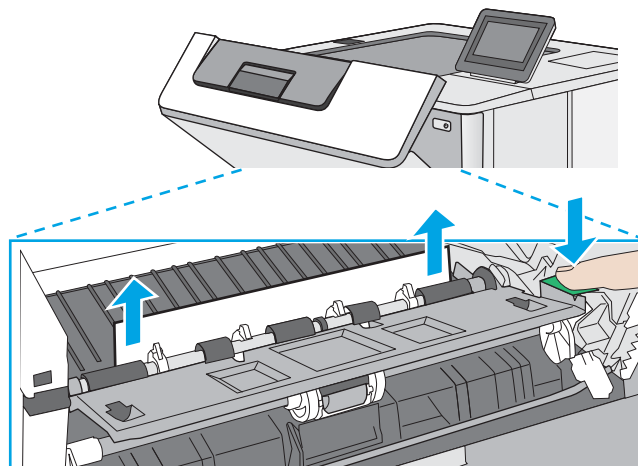
7. Mở cửa trước.



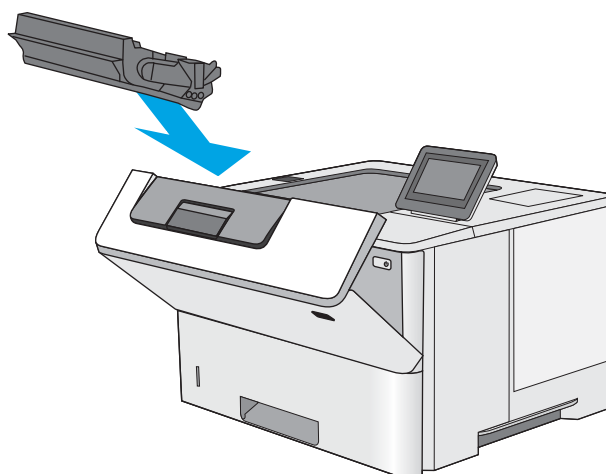
8. Tháo hộp mực in.



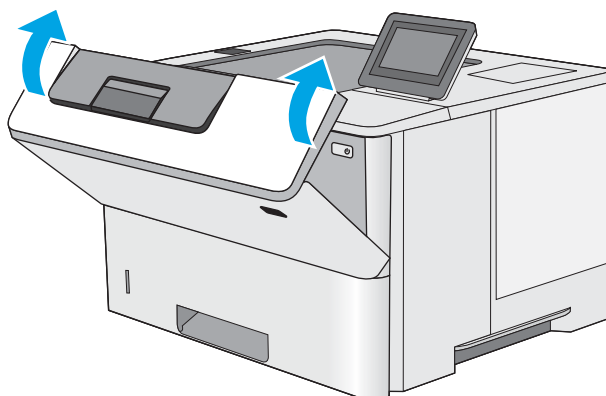
9. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



10. Lắp lại hộp mực in.



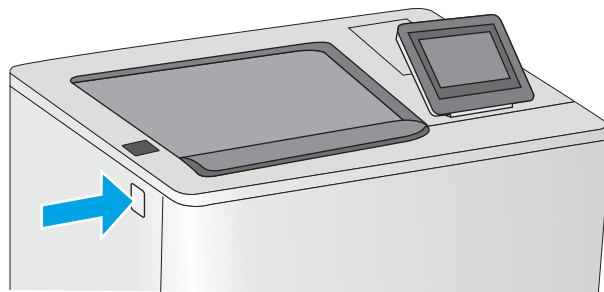
11. Đóng cửa trước.



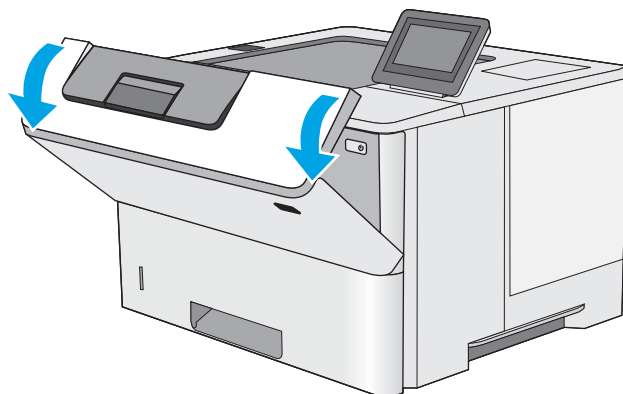
Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở khu vực hộp mực. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

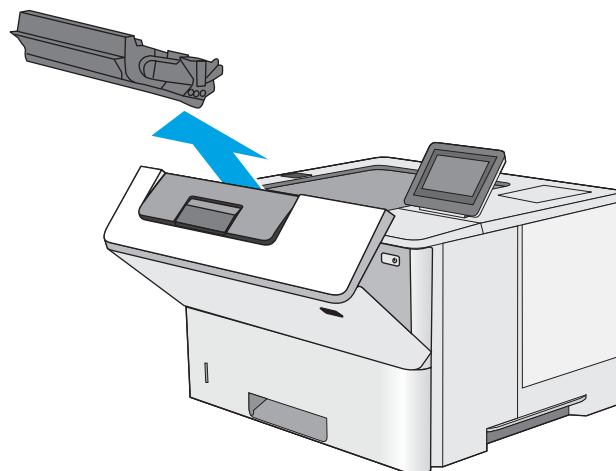
1. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



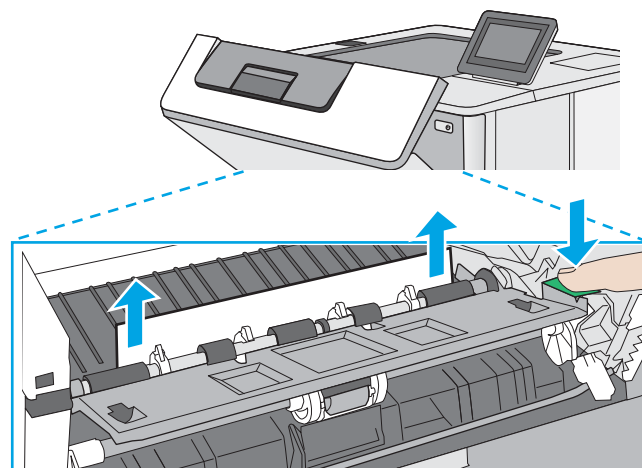
2. Mở cửa trước.



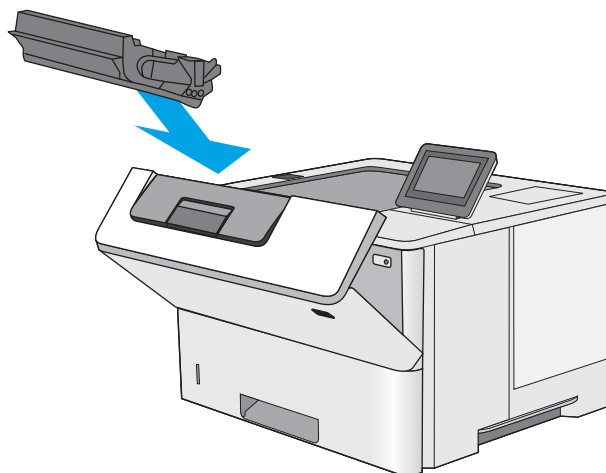
3. Tháo hộp mực in.



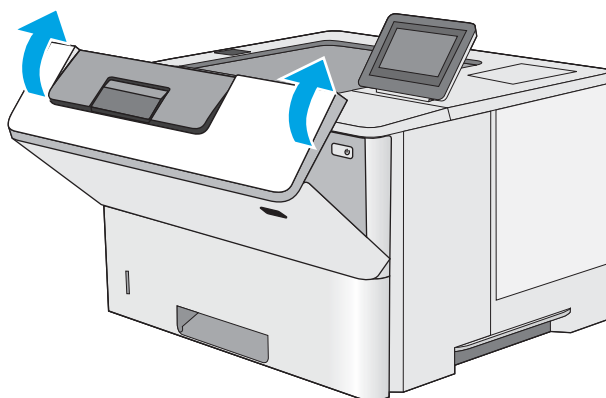
4. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



5. Lắp lại hộp mực in.




6. Đóng cửa trước.

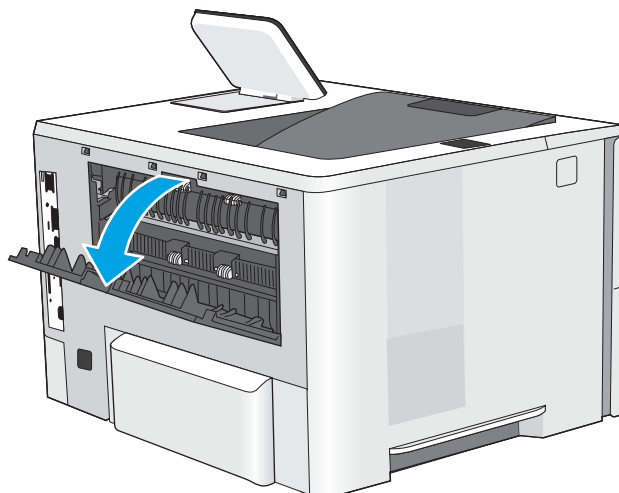


Xử lý kẹt giấy trong cửa phía sau và khu vực cuộn sấy

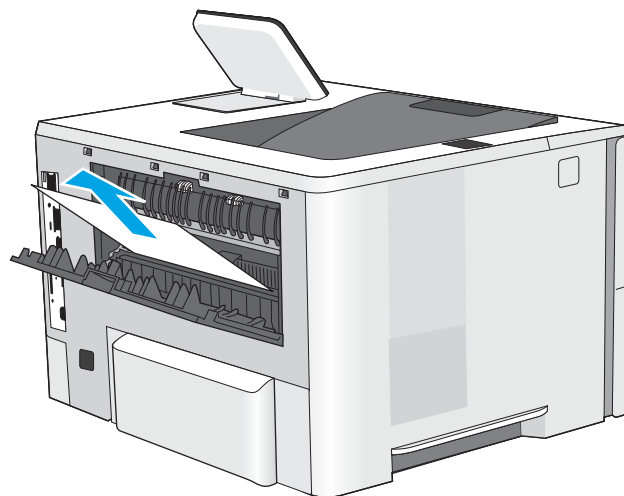
Sử dụng quy trình sau đây để gỡ bỏ giấy kẹt trong cửa phía sau và khu vực cuộn sấy. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

 **GHI CHÚ:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý kẹt giấy.

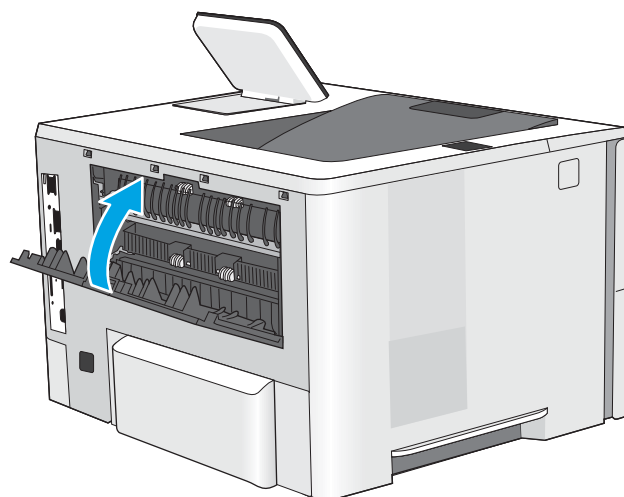
1. Mở cửa sau.



2. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



3. Đóng cửa sau lại



Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở ngăn giấy ra. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

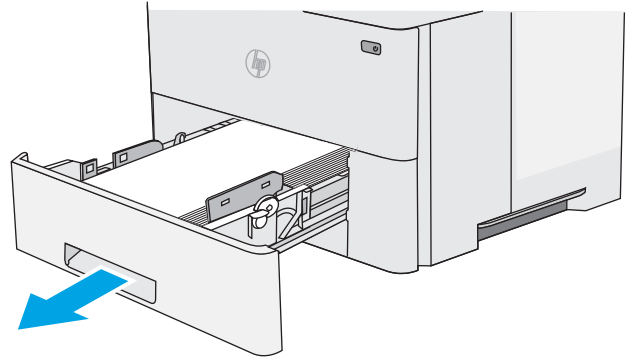
1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



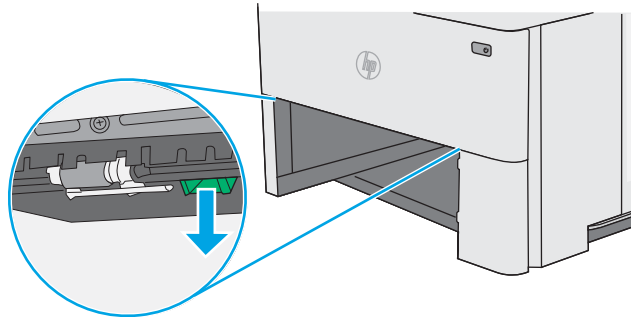
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở trong bộ in hai mặt tùy chọn. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

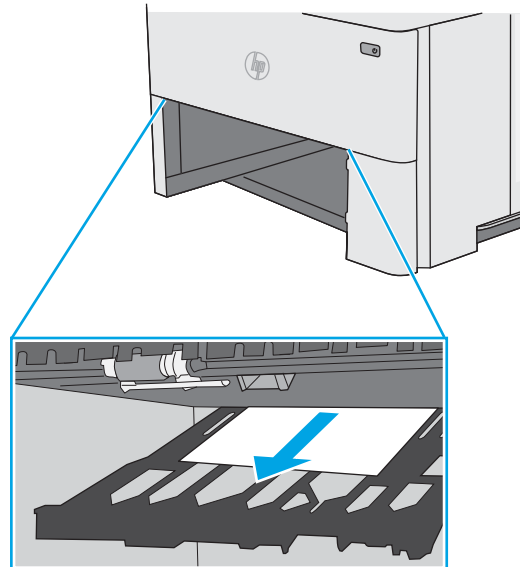
1. Tháo khay 2 ra khỏi máy in.



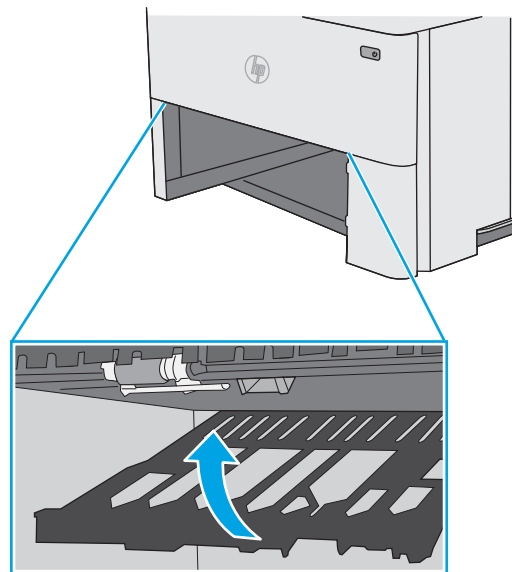
2. Kéo hướng về phía trước trên thẻ chặn màu xanh lá cây bên trong khu vực khay để nhả bản in hai mặt.



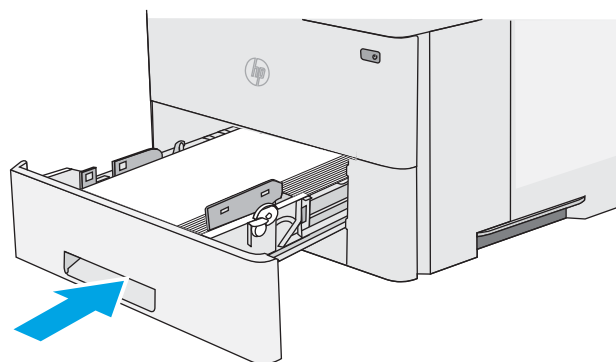
3. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



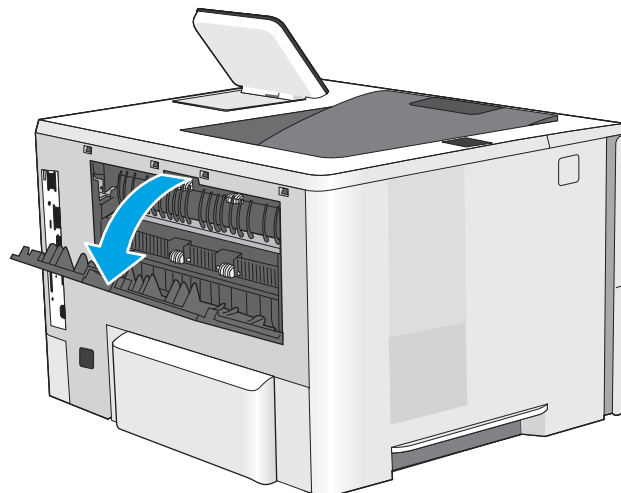
4. Đóng bàn in hai mặt.



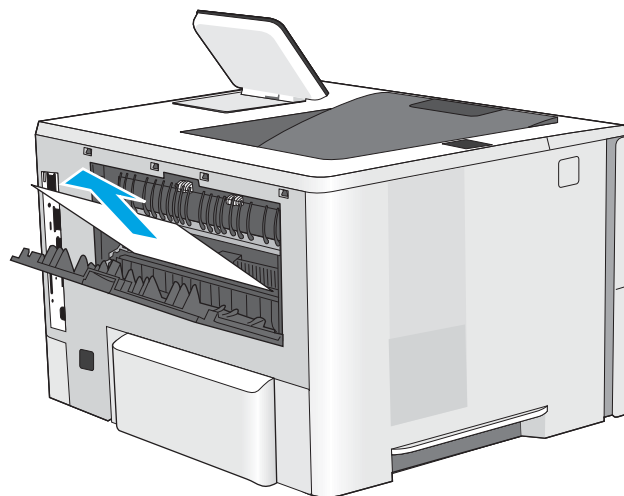
5. Lắp lại và đóng khay.



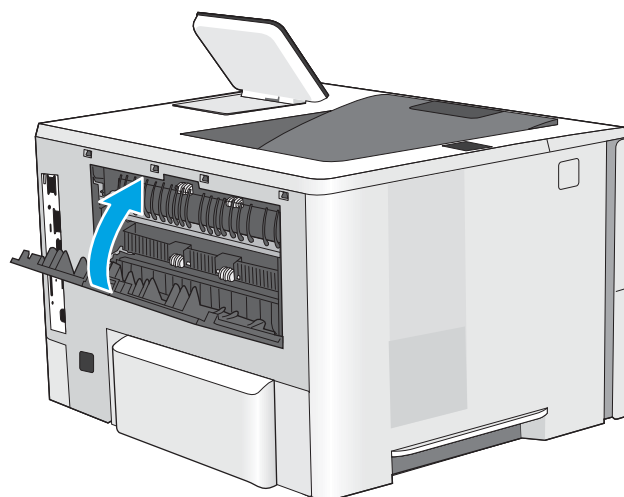
6. Mở cửa sau.



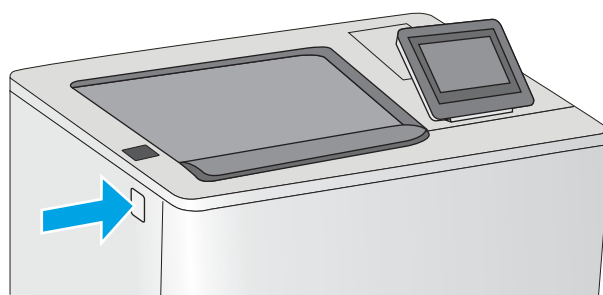
7. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



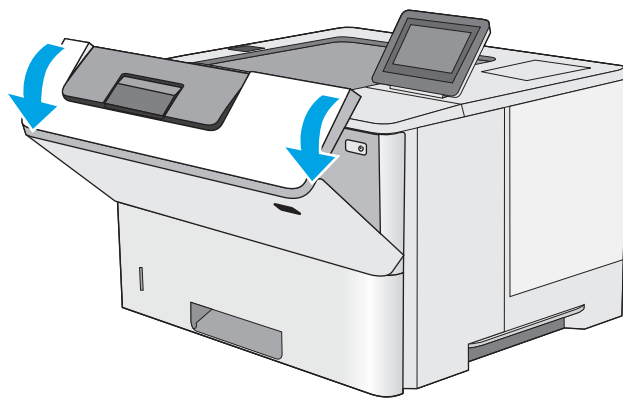
8. Đóng cửa sau lại



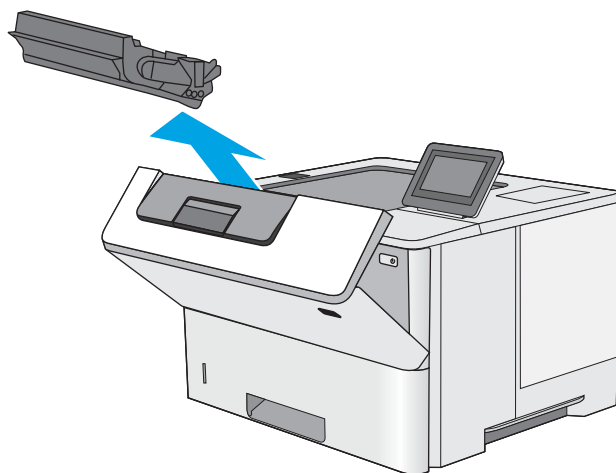
9. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



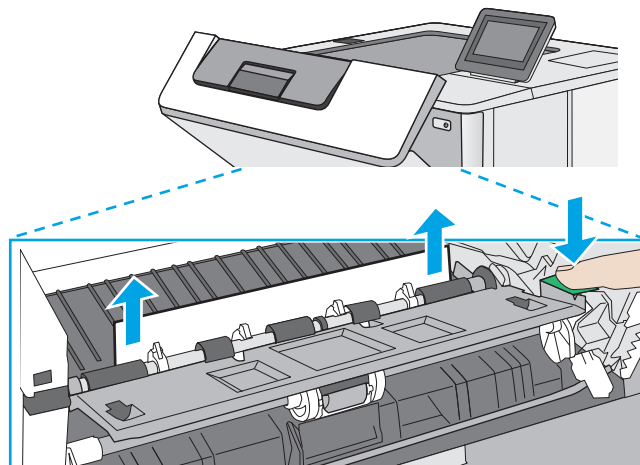
10. Mở cửa trước.



11. Tháo hộp mực in.



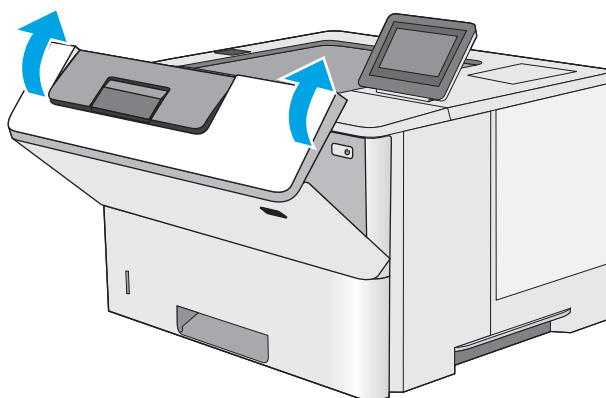
12. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



13. Lắp lại hộp mực in.



14. Đóng cửa trước.



Cải thiện chất lượng in

Giới thiệu

- [In từ một chương trình phần mềm khác](#)
- [Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in](#)
- [Kiểm tra tình trạng hộp mực in](#)
- [Làm sạch máy in](#)
- [Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường](#)
- [Kiểm tra môi trường in và giấy](#)
- [Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode \(Chế độ tiết kiệm\)](#)
- [Thử trình điều khiển in khác](#)

Nếu máy in đang có vấn đề về chất lượng in, hãy thử các giải pháp sau theo thứ tự được thể hiện để giải quyết vấn đề.

In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình phần mềm bạn sử dụng để in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lổm đổm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:) .
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)


1. Nhấp vào menu **File** (Tệp) và sau đó nhấp tùy chọn **Print (In)**.
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.

3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách thả xuống của menu, rồi bấm vào menu **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn một loại từ danh sách **Media Type** (Loại phương tiện) thả xuống.
5. Nhấp vào nút **Print** (In).

Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Thực hiện theo các bước sau để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu áp dụng.

Bước một: In trang tình trạng mực in

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Supplies** (Mực in).
3. Tình trạng tất cả các hộp mực in được liệt kê trên màn hình.
4. Để in báo cáo tình trạng của tất cả các mực mực in, bao gồm số bộ phận HP chính hãng để đặt hàng lại mực in, hãy chọn **Manage Supplies** (Quản lý mực in) và chọn **Print Supplies Status** (In tình trạng mực in).

Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in

1. Nhìn vào báo cáo tình trạng mực in để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu áp dụng.

Các vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra khi sử dụng hộp mực in đã hết. Trang tình trạng mực in cho biết khi mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang trạng thái mực in liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

2. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.


Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

Làm sạch máy in

In một trang lau dọn

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong máy in và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dấu lặp đi lặp lại.

Làm theo các bước sau để làm sạch đường dẫn giấy của máy in.


1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Device Maintenance** (Bảo trì Thiết bị).
3. Chọn **Calibration/Cleaning** (Căn chỉnh/Lau dọn), sau đó chọn **Cleaning Page** (Trang lau dọn) để in trang đó.

Thông báo **Cleaning** (Lau dọn) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Quá trình lau dọn kéo dài khoảng vài phút. Không tắt máy in cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Khi hoàn tất, hãy hủy bỏ trang đã in.

Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường

Làm theo các bước sau để kiểm tra từng hộp mực in.

1. Lấy hộp mực in ra khỏi máy in.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.

 **THẬN TRỌNG:** Không chạm vào trống hình. Dấu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dấu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Cài đặt lại hộp mực in, rồi in vài trang để xem thử sự cố đã giải quyết chưa.

Kiểm tra môi trường in và giấy

Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do dùng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà máy in này hỗ trợ.
- Dùng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm dằm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quăn góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quăn hoặc cong cạnh.
- Dùng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Dùng giấy dành riêng cho máy in laser. Không dùng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được dùng giấy quá thô. Dùng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.

Bước hai: Kiểm tra môi trường


Môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến đối với chất lượng in hoặc các vấn đề về nạp giấy. Thử các giải pháp sau đây:

- Di chuyển máy in ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo máy in không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của máy in.

- Không đặt máy in trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt máy in trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên máy in. Máy in cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của máy in.
- Bảo vệ máy in tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong máy in.

Bước 3: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ

Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển máy in.
2. Mở các menu sau đây:
 - Administration (Quản trị)
 - General Settings (Cài đặt chung)
 - Print Quality (Chất lượng In)
 - Image Registration (Đăng ký Ảnh)
3. Chọn khay để điều chỉnh.
4. Chọn **Print Test Page** (In Trang Kiểm tra), sau đó làm theo các hướng dẫn trên các trang in ra.
5. Chọn **Print Test Page** (In Trang Kiểm tra) lần nữa để xác nhận các kết quả, sau đó điều chỉnh thêm nếu cần thiết.
6. Chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK** để lưu các cài đặt mới.

Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.



GHI CHÚ: Tính năng này khả dụng với trình điều khiển in PCL 6 dành cho Windows. Nếu bạn không đang sử dụng trình điều khiển đó, bạn có thể bật tính năng này bằng cách sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.

Hãy làm theo các bước này nếu toàn bộ trang quá đậm hoặc quá mờ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng) và xác định vùng **Print Quality** (Chất lượng In).
4. Nếu toàn bộ trang quá đậm, hãy sử dụng cài đặt này:

- Chọn tùy chọn **600 dpi**.
- Chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để bật chế độ đó.

Nếu toàn bộ trang quá mờ, hãy sử dụng cài đặt này:

- Chọn tùy chọn **FastRes 1200**.
- Bỏ chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để tắt chế độ đó.

5. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Thử trình điều khiển in khác

Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: www.hp.com/support/ljM506.

Trình điều khiển HP PCL.6	<ul style="list-style-type: none"> • Được cung cấp làm trình điều khiển mặc định trên CD có trong hộp máy in. Trình điều khiển này được cài tự động nếu bạn không chọn một trình điều khiển khác.
Trình điều khiển HP PCL 6	
Trình điều khiển HP PCL-6	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng cho tất cả các môi trường Windows • Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng • Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows • Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5
Trình điều khiển HP UPD PS	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác • Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nháy postscript

HP UPD PCL 5

- Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows
- Tương thích với các phiên bản PCL trước đó và các máy in HP LaserJet cũ hơn
- Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh
- Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt máy in theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương)
- Được thiết kế để sử dụng trong các môi trường Windows trong doanh nghiệp sao cho có thể sử dụng một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu máy in
- Được ưa chuộng sử dụng khi in từ một máy tính Windows di động đến nhiều kiểu máy in

HP UPD PCL 6


- Nên sử dụng để in trong tất cả các môi trường Windows
 - Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng
 - Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows
 - Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5
-

Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

Giới thiệu

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo máy in hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển máy in và tìm địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang này.

- [Kết nối vật lý kém](#)
- [Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này](#)
- [Máy tính không thể giao tiếp với máy in](#)
- [Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này](#)
- [Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích](#)
- [Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai](#)
- [Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai](#)

 **GHI CHÚ:** HP không hỗ trợ mạng ngang hàng vì tính năng là chức năng của hệ điều hành Microsoft chứ không phải của trình điều khiển in HP. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào trang web của Microsoft tại địa chỉ www.microsoft.com.

Kết nối vật lý kém

1. Hãy kiểm tra xem máy in có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của máy in và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho máy in này

1. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports** (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho máy in có được chọn không. Địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang cấu hình máy in.
2. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes** (Luôn in vào máy in này, ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi).
3. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ thay cho địa chỉ IP.
4. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa máy in và sau đó thêm lại.

Máy tính không thể giao tiếp với máy in

1. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.

- Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn [Enter](#).
 - Đối với OS X, hãy đến **Applications** (Ứng dụng), sau đó là **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị cuối).
- b. Nhập `ping` và địa chỉ IP cho máy in của bạn.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
2. Nếu lệnh ping báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, sau đó kiểm tra các cài đặt mạng, máy in và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng.

Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyên bạn để những cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

1. Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và cài đặt chuyển hướng mạng.
2. Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai

1. Xem lại trang cấu hình để kiểm tra tình trạng của giao thức mạng. Bật nó nếu cần.
2. Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.

Bảng chú dẫn

A

AirPrint 48

B

bảng điều khiển

định vị 2

bảng điều khiển

tính năng định vị 4, 5

bảng điều khiển

trợ giúp 79

bàn phím

định vị 2

bảo mật

ổ cứng được mã hóa 70

bộ định dạng

định vị 3

bộ in hai mặt

gỡ giấy kẹt 100

bộ nhớ

đi kèm 7

bộ phận thay thế

số bộ phận 27

bộ thu gom bột mực

định vị 3

Bảo mật IP 69

Bonjour

chỉ định 54

C

cài đặt trình điều khiển máy Mac

Lưu trữ Lệnh in 44

cài đặt in

Máy chủ Web Nhúng của HP
57

cài đặt bảo mật

Máy chủ web nhúng của HP
58

cài đặt mạng

Máy chủ web nhúng của HP
59

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay
đổi 66

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,
thay đổi 66

cài đặt

khôi phục cài đặt gốc 80

cài đặt EconoMode 108

cấu hình chung

Máy chủ web nhúng của HP
56

công tắc nguồn

định vị 2

cổng

định vị 4

cổng fax

định vị 4

cổng giao tiếp

định vị 4

cổng nối, cài đặt mặc định 65

cổng nối mặc định, cài đặt 65

cổng USB, tùy chọn

số bộ phận 26

cuộn sấy

gỡ giấy kẹt 98

cửa sau

xử lý kẹt giấy 98

Chăm sóc Khách hàng HP 78

Cổng in USB 2.0 Tốc độ Cao

định vị 4

Cổng LAN

định vị 4

Cổng RJ-45

định vị 4

Cổng USB

định vị 4

bật 50

CH

chế độ in sẵn đầu đề khác 19, 22

chế độ nghỉ 71

chương trình cơ sở

cập nhật, Mac 63

D

danh sách các liên kết khác

Máy chủ web nhúng của HP
60

dụng cụ xử lý sự cố

Máy chủ web nhúng của HP 58

dùng nguồn điện

1 watt hoặc ít hơn 71

Dịch vụ web HP

bật 59

Đ

điện

tiêu thụ 15

đặt hàng

mức in và phụ kiện 26

để

số bộ phận 26

Địa chỉ IPv4 65

Địa chỉ IPv6 66

E

Ethernet (RJ-45)

định vị 4

Explorer, phiên bản được hỗ trợ

Máy chủ web nhúng của HP
54

GI

giấy

chọn 107

kẹt giấy 91

- in
 - lệnh in đã lưu 44
 - từ phụ kiện lưu trữ USB 50
- in di động, phần mềm được hỗ trợ 11
- in di động
 - thiết bị Android 48

K
kẹt
 ngăn giấy ra 99
 vị trí 90
kệtbộ
 in hai mặt 100
kệtgấyl
 cuộn sắyl 98
 củal sau 98
 khay 550 tờl 93
 khu vực hợpl mực 96
 nguyênl nhânl 91
 vị trí 90
 Khay 1 91
 Khay 2 93
kết nối nguồnl
 định vị 3
kích thước, máyl in 12
Khay 1
 gỡ giấy kẹtl 91
 hướngr giấy 19
 nạpl phong bì 24

Mạng	
được hỗ trợ	7
địa chỉ IPv4	65

- địa chỉ IPv6 66
- cài đặt, xem 64
- cài đặt, thay đổi 64
- cổng nối mạng định 65
- mặt nạ mạng phụ 65
- tên sản phẩm, thay đổi 64
- HP Web Jetadmin 74
- mạng khu vực cục bộ (LAN)
 - định vị 4
- mặt nạ mạng phụ 65
- máy chủ in không dây
 - số bộ phận 26
- mực in
 - đặt hàng 26
 - cài đặt ngưỡng còn ít 82
 - số bộ phận 27
 - sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 82
 - tình trạng, xem bằng Tiện ích HP dành cho Mac 62
- Máy chủ web nhúng của HP
 - cấu hình chung 56
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - tính năng 54
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - gán mật khẩu 68
 - kết nối mạng 54
- Máy chủ web nhúng (EWS) của HP
 - tính năng 54
- Máy chủ web nhúng (EWS) của HP
 - kết nối mạng 54
- Máy chủ web nhúng của HP
 - cài đặt bảo mật 58
 - cài đặt mạng 59
 - danh sách các liên kết khác 60
 - dụng cụ xử lý sự cố 58
 - trang thông tin 56
- Máy chủ web nhúng của HP
 - Dịch vụ web HP 59
- Máy chủ Web nhúng
 - mở 64
 - thay đổi tên sản phẩm 64
- Máy chủ Web Nhúng của HP
 - cài đặt in 57
- Máy chủ Web Nhúng của HP
 - thay đổi cài đặt mạng 64
 - thay đổi tên sản phẩm 64

- Máy chủ Web Nhúng của HP
 - mở 64
 - thay đổi cài đặt mạng 64

N

- nap
 - giấy vào Khay 1 18
 - giấy vào Khay 2 và các khay 550 tờ 20
- nút bật/tắt
 - định vị 2
- Netscape Navigator, phiên bản
 - được hỗ trợ
 - Máy chủ web nhúng của HP 54
- Nút Dừng
 - định vị 4, 5
- Nút Đăng nhập
 - định vị 5
- Nút Đăng xuất
 - định vị 5
- Nút Làm mới
 - định vị 5
- Nút Lựa chọn Ngôn ngữ
 - định vị 5
- Nút Mạng
 - định vị 5
- Nút Màn hình chính
 - định vị 4, 5
- Nút Nghỉ
 - định vị 5
- Nút Trợ giúp
 - định vị 4, 5

NG

- ngăn, ra
 - định vị 2
- ngăn giấy đầu ra
 - định vị 2
- ngăn giấy ra
 - gỡ giấy kẹt 99
- nguồn cung cấp
 - thay hộp mực in 29

NH

- nhãn
 - in (Windows) 37
- nhiều trang trên một tờ
 - chọn (Mac) 40
 - chọn (Windows) 37

- in (Mac) 40
- in (Windows) 37

O

- OS X
 - Tiện ích HP 62

Ô

- ổ đĩa cứng
 - số bộ phận 26
- ổ cứng
 - được mã hóa 70

P

- Phần mềm HP ePrint 47

PH

- phần mềm
 - Tiện ích HP 62
- phong bì
 - hướng 19
 - nạp vào Khay 1 18
- phong bì, nạp 24
- phông chữ
 - tải lên, Mac 62
- phương tiện in
 - nạp vào Khay 1 18
- phụ kiện
 - đặt hàng 26
 - số bộ phận 26
- phụ kiện lưu trữ USB
 - in từ 50
- phụ kiện NFC
 - số bộ phận 26

Q

- quản lý mạng 64

S

- số bộ phận
 - định vị 3
 - bộ phận thay thế 27
 - hộp mực in 27
 - mực in 27
 - phụ kiện 26
- số sê-ri
 - định vị 3
- sự cố nạp giấy
 - giải quyết 84, 86
- sử dụng năng lượng, tối ưu hóa 71

T

- tải tệp lên, Mac 62
- tình trạng hộp mực in 106
- tình trạng máy in 4, 5
- tốc độ, tối ưu hóa 71
- Tiện ích HP 62
- Tiện ích HP, OS X 62
- Tiện ích HP dành cho Mac
 - tính năng 62
 - Bonjour 62
- Trang web
 - HP Web Jetadmin, tải xuống 74
- TCP/IP
 - định cấu hình thông số IPv4 theo cách thủ công 65
 - định cấu hình thông số IPv6 theo cách thủ công 66

TH

- thay thế hộp mực in 29
- thiết bị Android
 - in từ 48
- thông số kỹ thuật
 - điện và tiếng ồn 15
- thông số kỹ thuật về điện 15
- thông số kỹ thuật về âm thanh 15

TR

- trang mỗi phút 7
- trang thông tin
 - Máy chủ web nhúng của HP 56
- trang web
 - hỗ trợ khách hàng 78
- trạng thái
 - Tiện ích HP, Mac 62
- trạng thái mực in 106
- trình điều khiển in, được hỗ trợ 9
- trình điều khiển, được hỗ trợ 9
- trọng lượng, máy in 12
- trợ giúp, bảng điều khiển 79
- trợ giúp trực tuyến, bảng điều khiển 79

X

- xóa
 - lệnh in đã lưu 45
- xử lý sự cố
 - kẹt giấy 91

- mạng có dây 111
- sự cố nạp giấy 84
- xử lý sự cố
 - sự cố mạng 111

Y

- yêu cầu hệ thống
 - tối thiểu 11
 - Máy chủ web nhúng của HP 54
- yêu cầu trình duyệt
 - Máy chủ web nhúng của HP 54
- yêu cầu trình duyệt web
 - Máy chủ web nhúng của HP 54